

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 801/UBND-NN

Cầu Kè, ngày 09 tháng 10 năm 2019

V/v lấy ý kiến về mức độ đạt từng tiêu chí xét công nhận Huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019

Kính gửi:

- Các Cơ quan, phòng ban, ngành huyện;
- Các Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn huyện;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã;
- Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Cựu chiến binh; Đoàn Thanh niên cấp huyện, cấp xã;
- Liên đoàn Lao động huyện;
- Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí Huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành tiêu chí Huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Qua 09 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đến thời điểm này Huyện Cầu Kè cơ bản hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, để đảm bảo đủ điều kiện trình Tỉnh thẩm tra, Trung Ương thẩm định xét công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Ủy ban Nhân dân huyện đề nghị các Cơ quan, phòng ban ngành, các Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã, các tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện, cấp xã và UBND các xã, thị trấn có ý kiến về mức độ đạt từng tiêu chí xét công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 (*đính kèm Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2019 huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh*).

Ý kiến của các cơ quan, đơn vị gửi về Văn phòng nông thôn mới huyện (*Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện*) để tổng hợp. Thời gian **chậm nhất đến hết ngày 16/10/2019**.

Đối với Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện dành thời lượng phát thanh ít nhất 03 lần (trong thời gian từ ngày 09/10 đến ngày 16/10/2019) để Nhân dân trên địa bàn huyện biết và tham gia ý kiến về mức độ đạt từng tiêu chí xét công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- TTHU “b/c”;
- TTHĐND huyện “b/c”;
- Chủ tịch, các PCTUBND huyện “b/c”;
- LĐVP;
- Lưu: VT (sang).

CHỦ TỊCH *uss*



*Nguyễn Hoàng Khải*



**BÁO CÁO**  
**Kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2019**  
**huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**

Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, huyện Cầu Kè đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Kinh tế xã hội có bước phát triển khá, diện mạo nông thôn có sự thay đổi; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; tình hình an ninh trật tự được giữ vững, ổn định, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

**Phần thứ nhất**  
**ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Đặc điểm tự nhiên:**

**1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên:**

Huyện Cầu Kè ở phía Tây tỉnh Trà Vinh, thuộc tả ngạn sông Hậu.

+ Phía Bắc giáp Huyện Càng Long, Huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

+ Phía Đông giáp huyện Tiểu Cần.

+ Phía Tây giáp huyện Trà Ôn, phía Nam giáp Sông Hậu (bên kia sông là huyện Kế Sách thuộc tỉnh Sóc Trăng).

Huyện có diện tích 24.662 ha, cách Thành phố Trà Vinh 41km về hướng tây theo Quốc lộ 54 và Quốc lộ 60.

Đơn vị hành chính của huyện có 10 xã và 01 thị trấn bao gồm: Thị trấn Cầu Kè, xã Hòa Ân, Châu Điền, An Phú Tân, Hòa Tân, Ninh Thới, Phong Phú, Phong Thạnh, Tam Ngãi, Thông Hòa, Thạnh Phú với 62 ấp và 08 khóm.

Diện tích tự nhiên 24.662 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 20.095 ha; Huyện có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông đường bộ và đường thủy. Những điều kiện thuận lợi này sẽ góp phần tích cực cho huyện Cầu Kè phát triển về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch.

Địa hình huyện Cầu Kè mang tính chất chung của vùng đồng bằng sông Cửu Long nên tương đối bằng phẳng. Ngoài những giồng cát có địa hình cao đặc trưng (>1,8m). Dọc theo Sông Hậu có địa hình khá cao (cao ven sông) và thấp dần về hướng Đông (vào nội đồng). Địa hình thấp nhất (0,4 - 0,6m) ở khu vực phía Đông Nam thuộc các địa bàn (Phong Thạnh, Phong Phú) và nằm rải rác ở các khu vực

Đông Bắc (Thanh Phú, Thông Hòa). Đặc biệt có khu vực địa hình trũng thấp (< 0,4 m) ở ấp Sóc Kha (xã Hoà Ân); Cây Gòn (xã Phong Thạnh).

Nhìn chung, địa hình huyện Cầu Kè thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây lâu năm. Tuy nhiên ở một số khu vực trũng thấp và gò cao cục bộ thường bị ngập úng, khô hạn.

Huyện có đặc điểm khí hậu chung của tỉnh Trà Vinh, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới, gió mùa.

Khí hậu chia làm 02 mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 5 năm sau; mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 11. Thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nước từ sông Mê Kông đổ về mang theo phù sa bồi đắp ruộng đồng.

**Nhiệt độ:** Nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ trung bình từ 25 - 28<sup>0</sup>C. Cao nhất là tháng 4, thấp nhất là tháng 12 âm lịch. Biên độ nhiệt độ ngày tương đối nhỏ, vào mùa khô biên độ nhiệt độ ngày cao hơn trong mùa mưa, cao nhất vào tháng 3 là 7,3<sup>0</sup>C và thấp nhất vào tháng 11 là 5,4<sup>0</sup>C.

**Chế độ nắng và bức xạ:** Huyện có tổng lượng bức xạ quang hợp dồi dào, phân phối khá điều hòa qua các tháng và ổn định qua các năm. Lượng bức xạ tăng dần từ cuối tháng 12 đến giữa tháng 4 đạt cao nhất là 8.400 cal/cm<sup>2</sup> tháng và sau đó giảm dần đến tháng 9 đạt thấp nhất là 5.300 cal/cm<sup>2</sup> tháng.

**Ẩm độ không khí:** Do chịu ảnh hưởng của khối không khí biển nên độ ẩm tương đối của không khí khá cao, độ ẩm lúc 7 giờ sáng đạt trên 90%. Độ ẩm không khí tăng dần trong mùa mưa và giảm dần trong mùa khô. Ngoài tháng 4, các tháng còn lại đều có độ ẩm tối cao (xấp xỉ 100%), độ ẩm tối thấp đạt từ 70 - 90%.

**Gió:** Có hai hướng chính thịnh hành trong năm ứng với mùa mưa là gió mùa Tây Nam và mùa khô là gió mùa Đông Bắc hướng Đông Nam.

Gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch, mang nhiều hơi nước và gây mưa, tốc độ 3 - 4 m/s.

Gió mùa Đông Bắc hoặc gió mùa Đông Nam thổi từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, tốc độ gió 2,3 m/s, có hướng song song với các cửa sông lớn. Đặc biệt là gió mùa Đông Nam, tốc độ 14 - 16 m/s.

**Mưa:** Tổng lượng mưa/năm đạt khoảng 1.500 mm tập trung chủ yếu vào mùa mưa, thời gian mưa bắt đầu vào trung tuần tháng 5 dương lịch và chấm dứt vào đầu tháng 11 dương lịch, với 2 đỉnh mưa rơi vào tháng 6 và tháng 10, tháng 10 có lượng mưa tập trung cao nhất (hơn 250 mm/tháng).

Do phân bố mưa chỉ khoảng 6 tháng trong năm, đồng thời lại phân hóa mạnh mẽ theo không gian và thời gian gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

**Hạn:** Trong các tháng mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 8 dương lịch thường xảy ra hạn, chủ yếu là hạn 1 tuần liền với xác suất xảy ra hạn ở tuần thứ nhất tháng 7 đến 44% và tuần thứ hai tháng 8 là 22%. Hạn 2 tuần liền có xảy ra nhưng xác suất thấp.



**Sự bốc hơi nước:** Lượng bốc hơi nước bình quân nhiều năm của các tháng biến thiên từ 48mm vào tháng 7 đến 111mm vào tháng 3, lượng bốc hơi nước cao nhất vào mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

## **1.2. Các loại tài nguyên**

### **1.2.1. Đất đai**

Theo hệ thống phân loại chung tại vùng đất Cầu Kè chia thành 3 nhóm chính: đất phù sa chiếm 76,2%, đất phèn chiếm 15,4%, đất giồng cát 2,2%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 20.095 ha (diện tích đất trồng cây hàng năm 11.600 ha, đất trồng cây lâu năm 8.449 ha); diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 43 ha; đất phi nông nghiệp 4.566 ha, chiếm 18,5% diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng 1,08 ha (theo niên giám thống kê năm 2012).

### **1.2.2 Tài nguyên nước**

Nguồn nước mặt trực tiếp cung cấp cho Cầu Kè là Sông Hậu, với lượng nước dồi dào phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản và các ngành nghề khác.

Ngoài ra, Huyện Cầu Kè có một hệ thống nước dưới đất phong phú và đa dạng, có 5 tầng chứa nước: ở tầng trên nguồn nước bị nhiễm mặn, 3 tầng tiếp theo ở giữa, nguồn nước ngọt phong phú và chất lượng khá hơn, (chủ yếu cung cấp nước cho sinh hoạt). Chiều sâu thay đổi từ 60m đến 400m và phổ biến từ 90m đến 120m.

### **1.2.3 Tài nguyên khoáng sản**

Về mặt địa chất, qua những kết quả thăm dò trong thời gian qua cho thấy huyện không có tài nguyên khoáng sản quý giá đáng kể, có cát sông, đất giồng cát, nước khoáng và đất sét. Cát sông tập trung chủ yếu ở khu vực thuộc sông Hậu và xã An Phú Tân hầu hết ở dạng cát lẫn bùn, chỉ có khu vực ấp An Lộc (xã Hòa Tân) có hàm lượng cát chiếm đa số, trữ lượng có thể khai thác 30.000 m<sup>3</sup>/năm.

### **1.2.4 Tài nguyên nhân văn**

Theo niên giám thống kê huyện Cầu Kè năm 2012 toàn huyện có 110.298 người trong đó: Nữ 56.042 người (49%), Nam : 54.256 người (51%); với 29.301 hộ dân, mật độ dân số 446 người/km<sup>2</sup>. Dân số trong độ tuổi lao động 63.240 người chiếm 57,3%, trong đó hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp 53.150 người chiếm 84% tổng số lao động toàn huyện; tỷ lệ hộ nghèo còn khá cao 17,01%. Dân tộc kinh 74.517 người (67,56%); Khmer 35.295 người (32%) các dân tộc khác 485 người (0,44%).

## **2. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội:**

Những năm qua, Đảng bộ và Nhân dân huyện Cầu Kè đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng: Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2015, đạt 12,99 %/năm; giai đoạn 2016-2019 đạt 13,05%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thu nhập bình quân đầu



người năm 2018 đạt 44,537 triệu đồng/người/năm, thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 14%.

### **3. Đánh giá chung:**

#### **3.1. Thuận lợi:**

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ nhiệt tình, tích cực của các Sở, ngành cấp tỉnh. Với chủ trương, chính sách, cơ chế sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, tích cực, đồng bộ và quyết liệt của Tỉnh. Sự đồng thuận, thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp Nhân dân trong huyện. Hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, Nhân dân có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và tích cực tham gia công cuộc xây dựng Nông thôn mới.

Có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ, khỏe, năng động, có phẩm chất đạo đức cách mạng và đạt chuẩn. Đặc biệt là có đội ngũ cán bộ chủ chốt năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và chịu trách nhiệm.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Kết cấu hạ tầng đầu tư xây dựng cơ bản; y tế, giáo dục, khoa học công nghệ ngày càng phát triển; thông tin liên lạc, điện, nước sinh hoạt đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân; công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn ngày càng chú trọng; ý thức bảo vệ môi trường được nâng cao, ... Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn theo hướng trong sạch vững mạnh; dân chủ ở cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

#### **3.2. Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong quá trình chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cũng gặp không ít khó khăn.

Xây dựng nông thôn mới là chương trình mục tiêu Quốc gia lớn, mới, do đó chưa có kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện.

Việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, công nhận hộ, ấp nông thôn mới tiến độ còn chậm; một số tiêu chí thuộc trách nhiệm các xã thực hiện kéo dài thời gian. Một bộ phận nhân dân đời sống khó khăn còn trông chờ chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, chưa tự vươn lên thoát nghèo, nguồn lao động chưa qua đào tạo nghề, lao động thiếu việc làm vẫn còn. Tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, giá cả đầu ra các mặt hàng nông sản không ổn định,... ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

## **II. CÁC CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Văn bản của Trung ương:**

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg,



ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thông tư số 35/2016/TT-BNN&PTNT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Các văn bản khác của các Cơ quan, các Bộ, Ngành Trung ương có liên quan tới công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh:**

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020;

Quyết định số 19/QĐ-BCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Ban chỉ đạo các CTMTQG và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019;

Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

### **3. Văn bản của huyện Cầu Kè:**

Nghị quyết số 06 - NQ/HU ngày 17/10/2011 của Huyện ủy Cầu Kè về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Kế hoạch số 17 - KH/HU ngày 10/5 /2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy Cầu Kè về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 28/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về xây dựng huyện Cầu Kè đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

Các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Cầu Kè về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

## **Phần thứ hai KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành:**

##### ***1.1) Công tác ban hành văn bản chỉ đạo:***

Nghị quyết số 06- NQ/HU ngày 17/10/2011 của Huyện ủy Cầu Kè về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Kế hoạch số 17 -KH/HU ngày 10/5 /2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy Cầu Kè về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 28/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về xây dựng huyện Cầu Kè đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của huyện, từng cấp thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng qui định và kịp thời, có phân công trách nhiệm từng đồng chí, từng lĩnh vực, từng địa bàn, cụ thể:

#### **- Cấp huyện:**

+ Năm 2011, Ban Thường vụ Huyện ủy Cầu Kè ban hành Quyết định số 771-QĐ/HU ngày 09/11/2011 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG xây dựng NTM có 23 thành viên, Trưởng Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm nhiệm và thành lập Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo có 18 thành viên do đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo làm tổ trưởng; phân công cụ thể cho từng thành viên BCD và Tổ giúp việc phụ trách địa bàn; Năm 2017 Ban Thường vụ Huyện ủy Cầu Kè đã ra quyết định 1199-QĐ/HU, ngày 19/5/2017 sáp nhập các Chương trình MTQG thành BCD các Chương trình MTQG và phong trào TĐĐKXDĐSVH huyện; quyết định 2260-QĐ/HU, ngày 26/02/2019 kiện toàn các Chương trình



MTQG thành BCD các Chương trình MTQG và phong trào TĐĐKXDĐSVH huyện, đến nay đã 7 lần kiện toàn và bổ sung.

+ Thực hiện theo Quyết định 1996/QĐ-TTg ngày 4/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1920/QĐ-TTg, ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. UBND huyện đã thành lập Văn phòng nông thôn mới gồm 15 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do đồng chí Trưởng Phòng Nông nghiệp & PTNT. Văn phòng nông thôn mới huyện do phòng Nông nghiệp và PTNT huyện làm thường trực, đến nay đã 3 lần kiện toàn do thay đổi nhân sự.

- Cấp xã: Có 10/10 xã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa giai đoạn 2016-2020, có 350 thành viên do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng Ban chỉ đạo và có phân công cán bộ chuyên trách phụ trách nông thôn mới. Đã có 100% ấp thành lập Ban Phát triển ấp, với tổng số 310 người.

Bộ máy quản lý trong xây dựng nông thôn mới các cấp từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả và năng lực quản lý. Ban chỉ đạo các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản như Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các Quyết định qui chế hoạt động, phân công. Từ đó các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

### ***1.2) Công tác chỉ đạo điều hành:***

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế xã hội từ khi bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Cầu Kè đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo, Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy chính quyền địa phương; UBND huyện đã xây dựng và ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện; tổ chức hội nghị quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh; triển khai kế hoạch của UBND, Ban chỉ đạo huyện đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện cùng tham gia thực hiện.

Ủy ban Nhân dân huyện, Ban chỉ đạo huyện đã tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo các xã xây dựng Quy hoạch và Đề án nông thôn mới theo qui định làm căn cứ triển khai thực hiện. Nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được đưa vào các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm, giai đoạn, để đánh giá rút kinh nghiệm; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, các Ban, Phòng ngành huyện cũng đã tích cực trong công tác kiểm tra, kịp thời chỉ đạo tháo



gỡ khó khăn ngay từ cơ sở.

Quy hoạch và quản lý theo quy hoạch; tập trung phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội, đặc biệt là giao thông nông thôn đảm bảo đồng bộ, lưu thông thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân, góp phần quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Xác định công tác xây dựng nông thôn mới rất cần nguồn lực đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Vì vậy, Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung huy động tối đa nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh; vốn doanh nghiệp; vốn tín dụng và vốn đối ứng của Nhân dân để thực hiện Chương trình. Kết quả đã huy động được nguồn lực to lớn, cơ bản hoàn thành các tiêu chí về kết cấu hạ tầng nông thôn mới.

Nhằm nâng cao thu nhập, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về vật chất và tinh thần cho người dân khu vực nông thôn, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp, đã xây dựng được vùng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị với nhiều mô hình sản xuất lúa mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh; Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết, Kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện về công tác bảo vệ môi trường, xây dựng các tuyến đường “*sáng - xanh - sạch - đẹp*”; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về công tác bảo vệ môi trường, đã được Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện đạt hiệu quả thiết thực.

Để huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối năm 2019, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết, UBND huyện ban hành Kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; đã huy động cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân quyết tâm tập trung hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới theo Nghị quyết, Kế hoạch đề ra.

## **2. Công tác truyền thông và đào tạo, tập huấn:**

### **2.1) Công tác tuyên truyền vận động Nhân dân:**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới được Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở quan tâm triển khai, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên hội viên và các tầng lớp Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng về nội dung; phong phú, sáng tạo về hình thức để tạo điều kiện cho cán bộ, Nhân dân trên địa bàn nhận thức sâu sắc hơn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Kết quả đã tuyên truyền được 3.914 cuộc, với 123.404 lượt người dự và tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, trạm truyền thanh tuyên truyền về nông thôn mới thu hút hàng triệu lượt người nghe. Bên cạnh tổ chức cấp phát tài liệu tuyên truyền cả 02 thứ tiếng Việt và Khmer với 7.600 tờ rơi, 245 cuốn tài liệu sổ tay hướng dẫn nhiệm vụ của các cấp trong xây dựng xã nông thôn mới và chỉ đạo các xã đến từng hộ dân, vận động xây dựng



hàng rào, xóa cầu tiêu trên ao hồ, sông rạch, xây dựng hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường “xanh - sạch - đẹp”. Ngoài ra, bình quân mỗi tháng Trung tâm văn hóa thông tin & thể thao huyện phát thanh trên 30 tin, 10 bài các loại về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mới.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

+ **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện:** Trên địa bàn huyện có 04 tôn giáo chính là Phật giáo (Nam tông và Bắc tông), Công giáo, Cao đài, Tịnh độ cư sĩ và tín ngưỡng dân gian với tổng số 72 cơ sở tín ngưỡng tôn giáo (trong đó có 22 chùa Phật giáo Nam tông Khmer, 11 chùa Phật giáo Bắc tông, 03 Tịnh độ cư sĩ, 8 Thánh thất Cao đài; 01 nhà thờ, 01 nhà giảng, 01 nhà nguyện Công giáo; 08 điểm tín ngưỡng dân gian người Hoa; 12 miếu, 13 đình thần); đồng bào có đạo chiếm trên 44% dân số toàn huyện đã hưởng ứng tích cực chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tích cực tham gia Các chương trình, dự án trong ở cơ sở nhất là xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, bảo vệ môi trường, công tác từ thiện xã hội và an sinh xã hội... Chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt phương châm sống tốt đời, đẹp đạo; tích cực tham gia các phong trào của địa phương, như vận động xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở, xây dựng cảnh quan môi trường, an sinh xã hội...góp phần cùng với địa phương thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện công tác đại đoàn kết trong xây dựng nông thôn mới, Bằng nhiều hình thức vận động, ban ngành huyện đã vận động của các đơn vị, tổ chức tôn giáo, cá nhân, các nhà hảo tâm trong huyện đóng góp tiền và hiện vật, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo trong 10 năm qua được trên 37,8 tỷ đồng, qua đó xây dựng mới 366 căn, sửa chữa 07 căn nhà đại đoàn kết, trợ giúp học sinh nghèo hiếu học cho 27.339 lượt học sinh, thăm hỏi tặng quà vui xuân, cứu tế cứu trợ về gạo, nhu yếu phẩm cho 37.537 lượt hộ nghèo, hỗ trợ sản xuất 3.848 hộ, khám chữa bệnh miễn phí cho 72.141 lượt bệnh nhân nghèo, xây 64 hố xí hợp vệ sinh, 108.514 phần quà nhu yếu phẩm (gạo đường, bột ngọt...), 14 giếng nước sạch, hỗ trợ khó khăn đột xuất 25 hộ nghèo khó khăn.

Song song với triển khai các chương trình an sinh xã hội của Đảng và nhà nước, huyện còn chú trọng vận động nguồn lực xã hội phục vụ cho chương trình an sinh xã hội bằng cách huy động mọi nguồn lực, các tổ chức, cá nhân có điều kiện tham gia đóng góp vào các công trình, dự án phúc lợi của địa phương được 21,648 tỷ đồng để xây dựng 124 cây cầu bê tông, 34 đoạn đường, 348 căn nhà, và hỗ trợ bệnh, cứu tế cứu trợ đột xuất cho hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn đã góp phần qua đó hỗ trợ, giúp đỡ cho 16.542 lượt hộ nghèo và hộ cận nghèo, góp phần kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 2,51% (năm 2018). Nhờ vậy, nhiều vùng sâu vùng xa của huyện giao thông được thông thoáng, người dân đi lại, giao thương, sản xuất được dễ dàng. Phối hợp với ban ngành huyện vận động cứu trợ 16 hộ bị thiên tai, rủi ro hỏa hoạn với số tiền 175 triệu đồng.



+ **Hội Nông dân huyện:** Vận động thành lập 10 Câu lạc bộ "*Chung sức xây dựng nông thôn mới*" ở 10 xã gồm 150 thành viên do đồng chí Chủ tịch Hội Nông dân xã làm chủ nhiệm. Các Câu lạc bộ hoạt động có nề nếp, đạt hiệu quả cao trong tuyên truyền. Mặt khác, Hội Nông dân đã cùng cố nâng chất lượng hoạt động 62 mô hình "*Nông dân tham gia bảo vệ môi trường*"; tuyên truyền vận động hội viên tích cực tham gia thực hiện bảo vệ môi trường nông thôn, vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, an toàn vệ sinh lao động. Phối hợp với Hội làm vườn tỉnh Trà Vinh thực hiện Chương trình năng lượng môi trường Mê Kông, dự án phát triển Biogas theo định hướng thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nhằm biến chất thải thành năng lượng. Hội đã vận động Hội viên, nông dân chăn nuôi xây dựng được trên 313 hầm Biogas góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn.

+ **Hội Liên hiệp Phụ nữ:** Tổ chức tuyên truyền cho hội viên phụ nữ về nội dung thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình "5 không 3 sạch", gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Kết quả tuyên truyền được 920 cuộc, có 20.944 lượt người dự. Thành lập các câu lạc bộ "*5 không 3 sạch*"; câu lạc bộ "*3 sạch*", "*Phụ nữ Khmer với Bảo vệ môi trường*", "*Tuyến đường ngõ sạch*", câu lạc bộ "*Phụ nữ với không với túi nilong*"; Mô hình "*Đoạn đường phụ nữ tự quản thu gom rác*"; câu lạc bộ "*Giáo dục, quản lý người thân trong gia đình không phạm tội và TNXH*"; câu lạc bộ "*An toàn về an ninh trật tự*", vận động phụ nữ trồng hoa, hàng rào cây xanh, với 334 câu lạc bộ, với 4.033 thành viên. Hàng năm Hội cơ sở đăng ký với cấp ủy, chính quyền thực hiện các hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh như: Thực hiện mô hình "*Tuyến đường hoa*", trồng hàng rào xanh, tạo vẽ mỹ quan các tuyến đường, hùn vốn xây hồ xí, mua BHYT,... Bên cạnh đó, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ huyện thực hiện mô hình "*Tuyến đường hoa đường tỉnh lộ 915*" với chiều dài khoảng 20 km, các loại cây hoa hoàng yến, cây hoa dứa cạn, hoa trang, hoa mười giờ, quỳnh anh..., góp phần thực hiện tiêu chí cảnh quan môi trường nông thôn mới; vận động hội viên phụ nữ xây dựng 529 nhà tiêu hợp vệ sinh. Mặt khác, đã thành lập được 08 tổ hùn vốn mua BHYT, với 179 chị tham gia, tổng số tiền 214 triệu đồng, giúp 217 chị nhận và mua thẻ BHYT, góp phần nâng tỷ lệ hội viên có thẻ BHYT, đạt 91,8% so hội viên hiện có. Bên cạnh đó, Hội phụ nữ cơ sở cũng trích phí ủy thác hỗ trợ từ 50% - 100% mua BHYT cho các Chi hội trưởng, Chi hội phó với số tiền 315 triệu đồng. Qua các hoạt động đến nay có 8.901 hộ hội viên đạt "5 không 3 sạch", đạt 82% so hộ hội viên hiện có, góp phần tăng tỷ lệ hộ đạt tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện.

+ **Huyện đoàn:** Qua 10 năm thực hiện phong trào "Tuổi trẻ Cầu Kè chung sức xây dựng nông thôn mới" đã thắp lửa nhiệt huyết của đoàn viên, thanh niên trên địa bàn huyện, tích cực đóng góp công sức, trí tuệ xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh. Phong trào đã làm thay đổi nhận thức của nhiều đoàn viên, thanh niên, giúp họ chủ động, tự tin tham gia tích cực xây dựng nông thôn mới (NTM).

Thực hiện phương châm "Mỗi thanh niên một việc tốt, mỗi cơ sở Đoàn một hoạt động thiết thực tham gia xây dựng NTM", trong quá trình triển khai, thực hiện



huyện đoàn đã chỉ đạo đoàn các cơ sở trong huyện tổ chức tuyên truyền vận động đoàn viên, thanh niên trong tham gia xây dựng nông thôn mới,

Qua đó đã tổ chức tuyên truyền vận động được 482 cuộc có 12.688 lượt cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia; phát 76.500 tờ bướm, tờ rơi về xây dựng nông thôn mới; tổ chức đăng tải thông tin tuyên truyền lên trang facebook của huyện đoàn được 1.612 tin;

Lực lượng đoàn viên thanh niên tham gia sửa chữa, nâng cấp và làm mới 129 km đường đal giao thông nông thôn; vận động xây dựng 45 căn nhà nhân ái trị giá 1,350 tỷ đồng; phối hợp vận động xây dựng 22 cầu giao thông nông thôn trị giá 1,54 tỷ đồng; thực hiện công trình thấp sáng đường quê với chiều dài 10 km đèn đường trị giá 455 triệu đồng; xây dựng mới 6 điểm vui chơi giải trí cho trẻ em trị giá 110 triệu đồng; hỗ trợ vốn vay cho 1.617 hộ vay với số tiền trên 26 tỷ đồng; thành lập 11 THT trong thanh niên; vận động hiến máu trên 1.300 đơn vị máu; tặng 672 suất quà cho hộ nghèo, gia đình chính sách; tặng 300 suất học bổng, 230 chiếc xe đạp, 150 gốc học tập cho học sinh nghèo; 100% các xã, thị trấn có công trình thanh niên tự quản sáng - xanh - sạch - đẹp. Tổ chức các hoạt động thứ bảy tình nguyện, chủ nhật xanh, các cơ sở Đoàn đã tổ chức làm vệ sinh môi trường thu gom rác thải, vỏ chai thuốc trừ sâu, chai nhựa các loại dọc theo các tuyến kênh trên đồng ruộng; tổ chức khơi thông dòng chảy, vớt lục bình, góp phần nâng cao cảnh quan môi trường.

+ **Hội Cựu chiến binh huyện:** Đã triển khai quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đến hội viên, Cựu quân nhân và Nhân dân được 594 cuộc, với 30.240 lượt người dự. Qua tuyên truyền, vận động đã có nhiều Hội viên cựu chiến binh đóng góp 2.660 ngày công, 1,5 ha đất, 15.000 cây trồng các loại và hàng trăm triệu đồng để xây dựng, nâng cấp 98.500m đường giao thông nông thôn. Ngoài ra, Hội cựu chiến binh huyện đã thành lập 70 câu lạc bộ môi trường ở 70 ấp, khóm với 1.848 thành viên. Trong đó, có 1.228 thành viên là Hội viên Hội cựu chiến binh. Các Câu lạc bộ môi trường đã tham gia xóa 236 nhà vệ sinh trên ao hồ, sông rạch; thu gom rác, phát hoang bụi rậm 34.100 m; trồng 18.840 cây, hoa trên các tuyến đường giao thông. Thực hiện theo phong trào Cựu Chiến binh giúp nhau thoát nghèo bền vững, Hội đã tổ chức xây dựng chi hội có mô hình giúp nhau thoát nghèo bền vững đã phát huy hiệu quả tốt từ phong trào này đã xây dựng được trên 3 tỷ đồng, tiền quỹ giúp cho 1.540 lượt Hội viên mượn để phát triển kinh tế kết quả đã xóa được 41 hộ nghèo; có 62.170 chi hội không còn hội viên nghèo.

+ **Liên đoàn lao động huyện:** Đã phát động phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ cụ thể như: Phong trào thi đua lao động giỏi với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào “Dân vận khéo”; phong trào “Xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”; phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”; phong trào “Văn hóa - Thể thao”; phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; các công đoàn cơ sở vận động CNVCLĐ



đăng ký và tham gia phong trào huyện Cầu Kè cùng cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới. Kết quả vận động 855 cơ quan, đơn vị mạnh thường quân ủng hộ 513 triệu đồng. Song song đó, hỗ trợ 47 căn nhà mái âm công đoàn, với số tiền 1,443 tỷ đồng; có 828 công đoàn cơ sở đăng ký mô hình dân vận khéo và 16.744 CNVCLĐ đăng ký tham gia các phong trào.

### **2.2) Về công tác đào tạo, tập huấn:**

Phối hợp tổ chức 198 lớp tập huấn về xây dựng nông thôn mới với 7.920 lượt đồng chí là thành viên Ban Chỉ đạo huyện, xã và người dân tham dự; đồng thời Thường trực Ban Chỉ đạo huyện tổ chức triển khai lồng ghép với các chương trình, dự án (Chương trình 135, Dự án phát triển cộng đồng huyện Cầu Kè, Dự án CHOPA) được 45 lớp, với 1.790 lượt người tham dự, nâng tổng số tổ chức được 243 lớp với 9.710 lượt.

Nhìn chung trong các cuộc tập huấn đều đạt yêu cầu về đối tượng, nội dung cần truyền đạt. Tuy nhiên, vẫn còn một số lớp chưa đạt yêu cầu do kỹ năng truyền đạt, chưa dẫn chứng nhiều hình ảnh về việc làm cụ thể của cán bộ, đảng viên và người dân trong xây dựng nông thôn mới, thời gian tập huấn ngắn do đó chưa truyền tải thông tin đầy đủ đến đối tượng cần truyền đạt, số lớp tập huấn còn thấp, phần nào cũng ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực cho cán bộ và người dân tham gia thực hiện.

## **3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới:**

### **3.1) Về huy động vốn:**

Huyện ủy - UBND huyện đã tranh thủ sự đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, đồng thời vận động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài huyện và sự đối ứng của Nhân dân để thực hiện. Kết quả:

- Tổng vốn thực hiện:	1.045,03 tỷ đồng. Trong đó:
+ Ngân sách Trung ương:	113,632 tỷ đồng chiếm 10,87%.
+ Ngân sách địa phương:	784,630 tỷ đồng chiếm 75,08%.
+ Vốn vay tín dụng (vay xây Nhà ở, Nước sạch và hố xí:	92,071 tỷ đồng chiếm 8,81%.
+ Vốn doanh nghiệp:	41,5 tỷ đồng chiếm 3,97%.
+ Vốn dân đóng góp:	13,17 tỷ đồng chiếm 1,27%.

### **3.2) Quản lý, sử dụng:**

Để nguồn vốn huy động được quản lý sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả cao, Ủy ban nhân dân huyện đã phân bổ kinh phí đảm bảo khách quan, dân chủ công bằng có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên công trình hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh như: Giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, bãi xử lý rác thải tập trung, đầu tư phát triển sản xuất... Nhân dân quyết



định việc sử dụng nguồn vốn do mình đóng góp thông qua các Ban Phát triển ấp, qua giám sát cộng đồng nên đã đảm bảo chất lượng các công trình xây dựng. Từ khi triển khai Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đến nay trong quá trình lãnh, chỉ đạo tổ chức thực hiện huyện không để xảy ra nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

## **II. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN**

### **1. Kết quả xây dựng nông thôn mới chung của huyện:**

#### **1.1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:**

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 10/10 xã đạt 100%. Trong đó, có 02 xã công nhận giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có rà soát theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2016 - 2020 đạt 19 tiêu chí và 08 xã công nhận giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- + xã An Phú Tân: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2014.
- + xã Ninh Thới: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2016.
- + xã Thạnh Phú: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2017.
- + xã Tam Ngãi: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2018.
- + xã Thông Hòa: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2018.
- + xã Châu Điền: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2019
- + xã Phong Phú: Đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2019
- + xã Phong Thạnh: đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2019
- + xã Hòa Ân: đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2019
- + xã Hòa Tân: đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã NTM năm 2019

**1.2) Kết quả thực hiện các tiêu chí Huyện nông thôn mới:** Huyện đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã (theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020)**

#### **2.1) Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

- Về quy hoạch chung xây dựng xã:

Công tác lập quy hoạch chung xã nông thôn mới năm 2011 chỉ có 03 xã đạt (An Phú Tân, Ninh Thới và Châu Điền). Cuối năm 2013, 10/10 xã trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng và Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-NNPTNT-BTNMT của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường và trên cơ sở quy hoạch được duyệt, địa phương đã thực hiện quản lý theo quy hoạch. Hiện nay, huyện đã tập trung chỉ đạo



các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng, đến thời điểm này 10/10 xã đã hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và được UBND huyện phê duyệt quy hoạch, quy chế quản lý. Ủy ban nhân dân các xã tổ chức hội nghị triển khai quy hoạch và công bố quy hoạch rộng rãi để Nhân dân biết và thực hiện theo quy định. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện quy hoạch vùng huyện cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 -2020.

## **2.2) Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn là tiền đề phát triển các lĩnh vực, tạo ra diện mạo mới, sức sống mới khởi sắc cho bộ mặt nông thôn. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế của huyện phát triển, đặc biệt là góp phần thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trên thị trường. Xác định được ý nghĩa đó, bằng sự tập trung ưu tiên về nguồn lực, huyện đã đầu tư cơ sở hạ tầng đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

### **2.2.1) Về giao thông:**

- Năm 2010 hệ thống giao thông nông thôn của huyện rất khó khăn trong việc đi lại, mua bán, phần lớn là đường đất, nhỏ năm 2011 chưa xã đạt. Với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Kết quả đã xây dựng 11 tuyến đường liên xã, dài 24 km, trong đó cứng hóa 24 km, đạt 100%; các xã có đường ô tô đi đến trung tâm xã và kết nối liên thông với nhau; xây dựng 74 tuyến đường liên ấp, dài 137 km, trong đó cứng hóa 86 km, đạt 62,8%; xây dựng 327 tuyến đường ngõ xóm, dài 390 km, trong đó cứng hóa 232 km đạt và 12 tuyến đường trục chính nội đồng, dài 27 km đã được thảm nhựa đạt 100%; xây dựng 322 cây cầu bê tông cốt thép và nhiều tuyến đường đanl ngõ xóm đảm bảo cho Nhân dân đi lại thuận tiện, không còn đường lầy lội vào mùa mưa. Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, so với thời điểm triển khai xây dựng nông thôn mới 2011 đã đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.

### **2.2.2) Về thủy lợi:**

- Những năm trước 2011 hệ thống thủy lợi của huyện chưa được đầu tư, chỉ thực hiện nạo vét thủ công của người dân, vì vậy không đảm bảo công tác phòng chống thiên tai đặc biệt triều cường và khả năng đáp ứng sản xuất nông nghiệp



cũng như các công trình dân sinh còn hạn chế, thực hiện 25 tuyến kênh, chưa xã đạt. Cùng với công tác triển khai xây dựng nông thôn mới, huyện được Trung ương, Tỉnh đầu tư đến nay Huyện có 339 tuyến, tổng chiều dài 577,921 km (trong đó: 25 tuyến kênh cấp I, dài 148,069 km; 170 tuyến kênh cấp II, dài 266,423 km; 144 tuyến kênh nội đồng, dài 163,429 km) cùng với 44 cống, bông đầu mối, có nhiệm vụ điều tiết nước đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ nước tưới đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các xã của huyện, đồng thời phục vụ tốt nhu cầu giao thông đi lại bằng đường thủy và dân sinh.

Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã; điều tiết, vận hành các cống, bông đầu mối đảm bảo hiệu quả (Cống Mỹ Văn, Cống Rạch Gum, Cống BoongBot và Cống Tân Dinh). Hàng năm đều có kế hoạch duy tu, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và dân sinh.

*- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

### 2.2.3) Điện nông thôn:

- Năm 2011 có 03 đạt (xã Châu Điền, Ninh Thới và An Phú Tân), xuất phát từ nhu cầu để xây dựng nông thôn mới Huyện đã tranh thủ với ngành điện đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống truyền tải điện (302,57km đường dây trung thế, 575,71km đường dây hạ thế và 492 trạm biến áp, dung lượng 23.442KVA) đến tất cả các xã, ấp và mắc điện kế cho các hộ dân trên địa bàn huyện, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và an toàn cho người sử dụng, phục vụ tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân. Triển khai thực hiện hoàn thành Dự án cung cấp điện cho các hộ dân chưa có điện tại ấp An Lộc xã Hòa Tân. Thực hiện hoàn thành dự án xóa hộ câu đười cho hộ nghèo, cận nghèo với 1.236 hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn huyện.

- Đối với những hộ dân cách xa trục đường điện, UBND huyện chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với hai ngành điện (Điện lực và Điện nông thôn) và UBND các xã đã vận động Nhân dân đò trụ hoặc thay thế trụ gỗ tạp bằng gỗ chắc chắn để nâng cấp đường dây, mắc điện kế đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và hướng dẫn của Sở Công thương đảm bảo sử dụng điện an toàn.

- Đến nay 10/10 xã, có 30.457/30.522 hộ dân các xã sử dụng điện thường xuyên và an toàn, đạt 99,79% tổng số hộ dân ở các xã. Bên cạnh đó, thực hiện phong trào sáng - xanh - sạch - đẹp trong xây dựng nông thôn mới các xã còn vận động Nhân dân xây dựng hệ thống đèn đường chiếu sáng được 102,703 km, mắc 3.490 bóng đèn công suất từ 100W trên các tuyến đường trục xã, trục ấp và những tuyến đường có đông dân cư sinh sống, góp phần giữ gìn an ninh trật tự xóm ấp.

*- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện nông thôn, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*



#### 2.2.4) Về trường học:

- Năm 2011, toàn huyện chỉ có 03 trường có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, giai đoạn 2011 - 2019, toàn huyện đã huy động các nguồn vốn xây dựng mới và cải tạo 275 phòng học, 46 phòng chức năng, đầu tư trang thiết bị và 55 công trình phụ trợ như: Hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, sân đường,... cùng với nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm nâng cấp, sửa chữa các phòng học ở các điểm trường. Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học là 136 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí đầu tư để đạt tiêu chí xã nông thôn mới là 21 tỷ đồng; đầu tư nâng chất để đạt tiêu chí huyện nông thôn mới là 10,2 tỷ đồng. Đến nay toàn huyện 31/40 trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia, đạt 77,5% so với năm 2011 tăng 28 trường đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

#### 2.2.5) Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Trước đây huyện chưa có cơ sở vật chất văn hóa phục vụ người dân vui chơi, giải trí. Khi triển khai xây dựng nông thôn mới huyện xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển về đời sống văn hóa tinh thần của người dân, từ năm 2011 đến nay, Huyện đã đầu tư xây dựng 01 nhà văn hóa thi đấu thể thao cấp huyện diện tích 800 m<sup>2</sup>; 10 nhà văn hóa cấp xã tăng 10 nhà văn hóa cấp xã so năm 2011, có 45 nhà văn hóa - khu thể thao áp phục vụ cho nhu cầu vui chơi và sinh hoạt cộng đồng, so với năm 2011 tăng 40 nhà văn hóa; 07/10 xã có sân bóng đá (03 xã còn lại sử dụng chung sân vận động), nhiều sân bóng chuyên ở các ấp đáp ứng cho nhu cầu thể dục, thể thao cho thanh niên các xã; từ những công trình văn hóa, các hoạt động văn hóa, sinh hoạt cộng đồng làm cho đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân được nâng lên, từ đó có 52/62 ấp trên địa bàn 10 xã đạt chuẩn ấp văn hóa - nông thôn mới, đạt 83,9% số ấp trên địa bàn huyện. Các cơ sở vật chất văn hóa của các xã trên địa bàn huyện phục vụ tốt cho các hoạt động sinh hoạt, đọc sách, nghe nhìn và truy cập thông tin cho nhân dân trên địa bàn các xã cũng như trong huyện.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

#### 2.2.6) Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Năm 2011 huyện chỉ 01 xã An Phú Tân có chợ, những năm tiếp theo do nhu cầu mua bán của người dân. Toàn huyện có 9 chợ, trong đó có 08 chợ xã và 01 chợ huyện đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương đáp ứng yêu cầu mua bán của nhân dân, mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển đều khắp; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 20,36%/năm.



- Các chợ trên đều có thành lập Ban quản lý, có ban hành nội quy quản lý, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng khu vực, theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh. So với năm 2011 thì hiện nay 100% xã nông thôn mới của huyện có hệ thống chợ được đầu tư khang trang đáp ứng nhu cầu thương mại cho Nhân dân (Châu Điền, Hòa Tân do gần chợ Cầu Kè nên không quy hoạch chợ).

**Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

### **2.2.7) Thông tin và truyền thông:**

Hệ thống thông tin và truyền thông trước đây chưa được thông suốt đến các xã, cũng như người dân để nắm thông tin, đến năm 2011 có 02 đạt ( xã Hòa Ân, Thông Hòa).

Trên địa bàn 10/10 xã có điểm Bưu điện văn hóa xã, điểm cung cấp các dịch vụ gửi thư, gói bưu kiện, hàng hóa đảm bảo cung ứng tốt cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Hệ thống thông tin 10/10 xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng 02 loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định, dịch vụ thông tin di động) và có dịch vụ Internet về đến tất cả 62/62 ấp, đáp ứng tốt nhu cầu trao đổi thông tin, giải trí và chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp và nhu cầu của Nhân dân.

Đảm bảo 10/10 xã có Trạm truyền thanh và 100% số ấp đều có cụm loa không dây hoạt động tốt, tiếp sóng phát thanh đảm bảo Nhân dân trên địa bàn thường xuyên được cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các tin tức trên phương tiện thông tin đại chúng.

Khu hành chính làm việc 10/10 xã có trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet cho các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức phục vụ công việc. Cán bộ, bộ phận chuyên môn xã đều có tài khoản truy cập hệ thống quản lý điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ (I-office) của tỉnh Trà Vinh để phục vụ công tác tiếp nhận, xử lý văn bản; thư điện tử công vụ (mail.travinh.gov.vn); phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến (iGate)

So với năm 2011 hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng của Nhân dân.

**Đánh giá:** 10/10 xã tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

### **2.2.8) Nhà ở nông thôn:**



- Những năm trước khi xây dựng nông thôn mới huyện Cầu Kè có nhiều hộ dân ở nhà tạm, dột nát, phần lớn huyện đồng đồng bào dân tộc Khmer, đời sống khó khăn, không đảm bảo về nhà ở, năm 2011 có 01/10 đạt (xã Ninh Thới)

- Triển khai tốt các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế đời sống người dân được tăng lên, điều kiện sống tốt hơn, hạ tầng nhà ở dân cư ngày càng được người dân đầu tư, xây mới khang trang đáp ứng cho đời sống sinh hoạt. Thực hiện tốt chương trình hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo theo quyết định 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015 và Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ) đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định 167, Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ; sửa chữa, xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng theo Quyết định 22 của Thủ tướng Chính phủ; vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm xây dựng nhà đồng đội và nhà đại đoàn kết, đảm bảo 3 cứng; đồng thời vận động Nhân dân xây dựng nhà cơ bản đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Hiện nay 10/10 xã đạt tiêu chí nhà ở dân cư và huyện không còn nhà tạm, dột nát. Toàn huyện có 26.025 căn/31.738 căn nhà đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 82%, so với năm 2011 tỷ lệ nhà đạt chuẩn tăng thêm 25,88% ( 17.674/31.117 đạt 56,12% )

- Đánh giá: 10/10 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

### **2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân**

#### **2.3.1) Tổ chức sản xuất:**

Là Huyện thuần nông thu nhập chính của người dân dựa vào sản xuất nông nghiệp với hơn 70% dân số. Trong những năm qua đã tập trung xây dựng các mô hình sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích. Xuất phát từ điều kiện thực tiễn trên, năm 2014 huyện đã xây dựng kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất và giá trị để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của huyện. Tổng giá trị sản xuất bình quân trên một hecta đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 193 triệu/ha/ năm, tăng 72 triệu đồng/ha so với năm 2011 (121 triệu đồng). Trong đó, cây hàng năm 96,3 triệu đồng/ha/ năm (cây lúa 84 triệu đồng/ha, cây màu 150 triệu đồng/ha, cây khác 55 triệu đồng/ha), tăng 17 triệu đồng/ha so năm 2011 (cây lúa 79,9 triệu đồng/ha, cây màu 96 triệu đồng/ha, cây khác 40 triệu đồng/ha); Cây lâu năm 289,7 triệu đồng, tăng 119,7 triệu đồng/ha so năm 2011 (cây ăn trái 170 triệu đồng/ha, cây dừa 36 triệu đồng/ha).



### 2.3.2) Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

- UBND huyện ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 13 tháng 3 năm 2014 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện và định hướng đến năm 2020, đã tổ chức triển khai tập trung đẩy mạnh sản xuất theo hướng nâng cao giá trị trên cây lúa là sản phẩm chủ lực của huyện với diện tích sản xuất 9.500 ha, đã hình thành nên mô hình cánh đồng lớn gắn liền kết chuỗi giá trị trong sản xuất, diện tích 502 ha tại 03 xã (Phong Phú, Châu Điền và Hòa Ân), áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất như: Phương pháp 3 giảm - 3 tăng, 1 phải - 5 giảm, sử dụng giống xác nhận chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, đưa máy móc thiết bị vào sản xuất, đặc biệt là khâu làm đất, chăm sóc và thu hoạch; đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi, từ đó năng suất lúa bình quân 6,087 tấn/ha/vụ tăng 0,296 tấn/ha/vụ so với năm 2011 (5,791 tấn/ha/vụ); lợi nhuận từ mô hình sản xuất cánh đồng lớn theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị cao hơn từ 2,5 – 3,5 triệu đồng/ha/vụ so với sản xuất ngoài mô hình. Trong sản xuất lúa xác định sản xuất an toàn theo hướng nâng cao giá trị gắn với xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chủ lực là xu hướng phát triển, huyện chỉ đạo xây dựng mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch sử dụng phân vi sinh, hữu cơ vi sinh giảm 40% phân hóa học, liên kết theo chuỗi giá trị gắn tiêu thụ sản phẩm (vi mô liên xã) trên địa bàn huyện trong năm 2018 được 22 ha, năng suất bình quân của mô hình đạt 6,5 tấn/ha, giá bán cao hơn từ 150 - 250 đồng/kg so với sản xuất lúa sử dụng hoàn toàn bằng phân hóa học. Ngoài ra, để chủ động trong sản xuất, huyện đã ứng dụng công nghệ thông tin trong canh tác như đưa công nghệ tự động vào vận hành trạm bơm, kết hợp với đầu tư 03 trạm quan trắc ứng dụng phần mềm để theo dõi, quản lý độ mặn, qua đó chủ động trong khâu quản lý nước cũng như vận hành các cống, bọng để ngăn mặn, trữ ngọt kịp thời đã làm tăng hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tăng lợi nhuận bình quân trên 01 ha từ 4,5 - 5 triệu đồng/ha.

Tập trung phát triển mô hình trồng chuyên màu với diện tích khoảng 780 ha (xã Hòa Ân, Hòa Tân, Châu Điền, Phong Thạnh), trong đó diện tích trồng màu trên đất giồng cát khoảng 90 ha; đất chuyên màu và đất chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sản trồng màu khoảng 690 ha, chủ yếu trồng rau các loại, bắp, dưa leo, khổ qua...

Trong quá trình canh tác sản xuất nông nghiệp, huyện tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình khuyến nông nhân rộng đã mang lại thu nhập từ bình quân đạt 193 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với năm 2011 từ 60 - 75 triệu đồng/ha.

Xác định cây dứa là 01 trong 07 sản phẩm chủ lực của địa phương, huyện tập trung chỉ đạo phát triển diện tích cũng như cải tạo lại vườn dứa già cỗi, toàn huyện diện tích dứa chiếm 3.974 ha, trong đó 315 ha dứa sáp, thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp diện tích dứa của huyện đã được cải tạo, trồng mới chăm sóc theo quy trình áp dụng khoa học cho năng suất cao, hiệu quả và giá trị thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích 65 triệu đồng/ha, cao hơn từ 20 - 30 triệu đồng/ha so với năm 2011; cây ăn trái cũng chiếm phần quan trọng trong việc tăng



thu nhập của nông dân, toàn huyện diện tích trồng cây ăn trái khoảng 8.883 ha với các loại như Bưởi Da Xanh, Chôm Chôm, Mãng Cụt, Sầu Riêng, Xoài, Quýt đường, Thanh Long.... Trong đó bưởi Da xanh là đối tượng cây ăn trái được người dân mạnh dạn chuyển đổi từ đất kém hiệu quả sang đầu tư sản xuất mang giá trị cao trên một đơn vị canh tác, diện tích bưởi da xanh toàn huyện hiện có trên 120 ha và đã thành lập được hợp tác xã diện tích 47 ha, có 98 hộ tham gia thực hiện chứng nhận VietGAP, định hướng sử dụng phân vi sinh, hữu cơ gắn liền kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Qua quá trình chuyển đổi tập trung sản xuất theo kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị đã đem lại thu nhập bình quân 01 ha cây ăn trái khoảng 289,7 triệu đồng/ha.

- Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, gia trại tập trung quy mô vừa và nhỏ. Tổng đàn gia súc ước 103.367 con, tăng 5,1 % so năm 2011 (98.089 con), đàn gia cầm ước 920.570 con, tăng 6,1 % so năm 2011 (864.980 con). Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện phát triển khá mạnh. Toàn huyện thả nuôi với diện tích 742 ha, sản lượng 13.517 tấn với các đối tượng thả nuôi có giá trị kinh tế cao như: Cá tra, cá lóc,..

*2.3.3) Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới, hiện đại:*

- Những năm trước 2010 hộ dân thường sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, không có tổ chức, cũng như không định hướng sản xuất để tạo ra sản phẩm chất lượng, số lượng lớn, chỉ tiêu thụ tại các chợ của xã trong huyện. Khi triển khai xây dựng nông thôn mới có hợp tác xã được thành lập năm 2011 có 02/10 xã đạt (xã An Phú Tân, Hòa Ân), đồng thời đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh; hỗ trợ củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã tham gia thí điểm theo Quyết định 445 của Thủ tướng Chính phủ và các hợp tác xã mới thành lập vào cuối năm 2017. Hiện tại trên địa bàn huyện có 18 hợp tác xã đang hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, trong đó có 15 hợp tác xã nông nghiệp với 667 thành viên, vốn điều lệ 3,951 tỷ đồng, tăng 13 hợp tác xã nông nghiệp so với năm 2011. Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, các hợp tác xã đã từng bước ký kết được các hợp đồng hợp tác làm cầu nối giữa doanh nghiệp và xã viên, thể hiện đúng vai trò liên kết theo chuỗi giá trị; tuy bước đầu thành lập có số lượng thành viên ít, hoạt động đạt kết quả chưa như mong đợi của thành viên, nhưng cũng đã tạo được lòng tin trong các thành viên và có sức lan tỏa ra bên ngoài nhất là người nông dân, từ đó ngày càng có nhiều người tham gia góp vốn vào hợp tác xã. Các hợp tác xã đều được thành lập và chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công, phân nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã. Bên cạnh đó, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đối với hợp tác xã, đã hỗ trợ cho 11 hợp tác xã với số tiền 721 triệu đồng, trong đó, hỗ trợ thành lập hợp tác xã, số tiền 180 triệu đồng, hỗ trợ người lao động về làm việc tại các HTX số lượng



21 người, số tiền 541 triệu đồng. Qua các chính sách hỗ trợ về kinh tế cũng như nhân lực, đã phát huy hiệu quả hoạt động cho các hợp tác xã nông nghiệp của huyện. Các hợp tác xã nông nghiệp tuy mới thành lập bước đầu hoạt động đã mang lại lợi ích trước hết cho thành viên với vai trò là cầu nối liên kết vật tư đầu vào và ký kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa cho xã viên cũng là sản phẩm chủ lực của huyện.

- Về trang trại: Trước 2010 các hộ chăn nuôi chủ yếu nuôi nhỏ lẻ theo quy mô gia đình, từ khi xây dựng nông thôn mới thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó có ngành chăn nuôi, huyện đã có 06 trang trại được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn. Các trang trại hiện nay điều được duy trì hoạt động hiệu quả mang lại lợi nhuận hàng năm từ 150 – 350 triệu đồng, quy mô và giá trị mang lại gấp nhiều lần so với hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ.

#### *2.3.4) Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ:*

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2019 ước đạt 652 tỷ đồng, tăng 544 tỷ đồng so năm 2011. Huyện có 892 cơ sở tiểu thủ công nghiệp (tăng 377 cơ sở so năm 2011), giải quyết việc làm cho hơn 2.344 lao động.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2019 ước đạt 3.300 tỷ đồng, tăng 2.677,7 tỷ đồng so năm 2011. Hệ thống các chợ nông thôn ở các xã đáp ứng khá tốt nhu cầu trao đổi, mua sắm hàng hóa của người dân. Mặt khác, huyện đã phối hợp Sở Công thương tổ chức nhiều phiên chợ Hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với hàng Việt Nam chất lượng cao, giá cả hợp lý. Đồng thời, thực hiện tốt quản lý thị trường, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng.

#### *2.3.5) Thu nhập:*

Năm 2011 đời sống người dân còn nhiều khó khăn, sản xuất không đạt chất lượng, khả năng cạnh tranh không đảm bảo, thu nhập không đạt. Khi triển khai xây dựng nông thôn mới nhiều chính sách, tham quan học tập kinh nghiệm phục vụ sản xuất, từ đó thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 44,537 triệu đồng/người/năm, tăng 29,329 triệu đồng/người/năm so năm 2011 (15,208 triệu đồng/người/năm). Ước cuối năm 2019 thu nhập bình quân đầu người đạt 52,64 triệu đồng/người/năm.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 10 về *Thu nhập*, theo *Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

#### *2.3.6) Hộ nghèo:*

- Trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới huyện đông đồng bào dân tộc khmer, sản xuất lạc hậu, chưa ứng dụng khoa học kỹ thuật, do vậy tỷ lệ hộ nghèo



rất cao năm 2010 hộ nghèo 7.051/27.386 chiếm 25,75% (chưa xã đạt). Cùng với việc phát triển sản xuất, thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, các chính sách đối với đồng bào dân tộc; chính sách giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội kịp thời, hiệu quả, đến nay trên địa bàn huyện tỷ lệ hộ nghèo chiếm 2,53% (797/31.534), giảm 23,22% so năm 2010. Đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện tiếp tục giảm còn 2,22%.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.

#### 2.3.6) Lao động việc làm:

- Khi chưa xây dựng nông thôn mới năm 2010 có 62.794/67.951 lao động trong độ tuổi có việc làm chiếm 92,41%, đạt 9/10 xã (Thông Hòa chưa đạt). Thực hiện tốt công tác liên kết, tư vấn và giới thiệu việc làm cho lao động ở địa phương đến làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài huyện, xuất khẩu lao động, đặc biệt là các hoạt động sản xuất ở địa phương,... Đến nay trên địa bàn 10 xã có 68.141/71.857 lao động có việc làm thường xuyên, đạt 94,83% tăng 2,42% so năm 2010.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

#### 2.4) Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường:

Các nội dung về văn hóa, giáo dục, y tế và công tác bảo vệ môi trường luôn được UBND huyện xác định là quan trọng và cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt là trong công tác xây dựng nông thôn mới:

##### 2.4.1) Giáo dục và Đào tạo:

- Năm 2011, toàn huyện chưa có xã nào đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; có 07 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 1 và 03 xã đạt mức độ 2; có 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1; có 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ; có 05/10 xã có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT, học bổ túc, học nghề đạt từ 80% trở lên.

- Khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện ngày càng được củng cố. Giáo dục mầm non từng năm đều được nâng lên, 100% trẻ em 06 tuổi vào được vào lớp một, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6. Công tác phổ cập giáo dục các cấp học được quan tâm chỉ đạo và duy trì vững chắc tạo điều kiện tốt nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Có 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; 10/10 xã đạt phổ cập Trung học cơ sở mức độ 2 trở lên (trong đó Ninh Thới đạt mức độ 3 năm 2018); có 07/10 xã đạt phổ cập Trung học phổ



thông năm 2018. Năm học 2018-2019: Có 1.799/1.799 em được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học, đạt 100%; Có 1.160/1.160 em được xét tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 100%; có 1639/1985 học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục được học Trung học phổ thông, đạt tỷ lệ 82,6%, so với năm 2011 tỷ lệ học sinh Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông tăng thêm 1,02%.

- Trước khi thực hiện xây dựng nông thôn mới tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo rất thấp cụ thể năm 2010 có 24.139/62.794 chiếm 38,44%, có 4/10 đạt (Hòa Tân, Ninh Thái, An Phú Tân và Thông Hòa). Trong các năm triển khai xây dựng nông thôn mới với nhiều chính sách đào tạo, hỗ trợ, giải quyết việc làm, của tỉnh, lồng ghép với các chương trình dự án phi chính phủ, trong đó thực hiện tốt Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ “đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” hiện tại trên địa bàn các xã nông thôn mới có 43.000/68.141 lao động có việc làm qua đào tạo, đạt 63,1%, tăng 24,66% so với năm 2010.

*\* **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

#### 2.4.2) Về Y tế:

- Trước khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho nhóm đối tượng được ngân sách Nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế. Tuy nhiên tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số trước năm 2011 đạt tỷ lệ rất thấp, dưới 75%, cụ thể là năm 2010, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế chỉ đạt 72,16% so với dân số toàn huyện, nhóm đối tượng được cấp thẻ chủ yếu là hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, nhóm đối tượng tự đóng tham gia rất thấp, trong đó có 03 xã: Châu Điền (đạt 100%), Phong Phú (đạt 100%), Hòa Ân (đạt 88,35%) đạt tiêu chí theo quy định, nguyên nhân xã thực hiện theo Nghị quyết số 30a/2008/CP ngày 27/12/2008 của Chính Phủ “về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện nghèo”, đồng thời cơ chế chính sách thực hiện bảo hiểm y tế còn nhiều hạn chế chưa xây dựng theo hướng tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân Năm 2011.

- Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện từng tiêu chí. Tuy nhiên việc tổ chức thực hiện tiêu chí tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 73,80%, tăng 1,64% so năm 2010. Qua triển thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện cộng với các chính sách bảo hiểm hỗ trợ. Đến 31 tháng 8 năm 2019, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn 10 xã 92.532/96.610 người, chiếm 95,78%.

- Trước năm 2010 Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè đã triển khai thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định số: 370/2002/QĐ-BYT ngày 07 tháng



02 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành “chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010”. Qua triển khai thực hiện 3/10 Trạm Y tế xã chuẩn quốc gia về y tế (An Phú Tân, Tam Ngãi và Ninh Thới). Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Từ năm 2011 đến nay, có 10/10 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế và các xã đều duy trì Trạm y tế đạt chuẩn sau kiểm tra hàng năm, so với năm 2011 số xã có Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia tăng 07 trạm.

- Chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn đạt chỉ tiêu, thực hiện tốt công tác phòng chống suy dinh dưỡng tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thấp còi toàn huyện đến tháng 9 năm 2019 là 359/8.719 em, chiếm tỷ lệ 4,11%, giảm 1,51% so năm 2011 (537/9.789 chiếm 5,62%).

*\* **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

#### 2.4.3) Về Văn hóa:

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo. Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa cộng đồng được chú trọng, chất lượng gia đình văn hóa, ấp, xã văn hóa nông thôn mới từng bước được nâng lên, đời sống tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện, 100% ấp đã hoàn thành xây dựng và triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn quy ước phù hợp với thực tế của từng địa phương. Các phong trào lao động sáng tạo, nêu gương người tốt, việc tốt, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được quan tâm. Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng, hội diễn, hội thi văn nghệ, hát đàn ca tài tử và các môn thi đấu thể thao, như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia, nhất là các ngày lễ, hội lớn hàng năm. Toàn huyện có 06 Câu lạc bộ đờn ca tài tử, 01 đội văn nghệ quần chúng; 24 đội đánh ngũ âm, 07 đội múa Sa Dam trong đồng bào dân tộc Khmer; 03 đội múa lân, 03 câu lạc bộ dưỡng sinh, 11 đội bóng đá, 12 đội bóng chuyền,... đã góp phần làm phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của huyện thêm phong phú.

- Đặc biệt, toàn huyện gần 47.150 người dân tộc Khmer, chiếm trên 33% dân số chung của huyện là một trong những địa phương có đông đồng bào dân tộc Khmer của tỉnh. Đời sống văn hóa của đồng bào Khmer trên địa bàn huyện cũng đa dạng và phong phú, trong những năm qua, đồng bào Khmer trên địa bàn huyện đã cùng nhau chung sức xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển kinh tế, giảm nghèo cùng với sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước góp phần làm cho đời sống kinh tế trong đồng bào dân tộc Khmer ngày một nâng lên. Cụ thể năm 2011 tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer là 3.365 hộ, chiếm tỷ lệ 33,81% so tổng hộ



dân tộc thiểu số, nhưng đến cuối năm 2018 tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc đã giảm xuống hiện còn 529 hộ, tỷ lệ 4,65% so với tổng số hộ trong đồng bào dân tộc thiểu số, từ khi triển khai xây dựng nông thôn mới đến nay số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc giảm 2.836 hộ, tương đương tỷ lệ giảm 29,16%. Trong cộng đồng dân tộc Khmer họ sống sum vầy trong các phum, sóc với nhiều hoạt động văn hóa, tinh thần phong phú giàu bản sắc dân tộc đặc trưng của người dân tộc như: tết cổ truyền Chôl - Thnăm – Thmây diễn ra vào giữa tháng 4 âm lịch với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú diễn ra, đặc biệt là lễ hội mùa “*Sa Dam và hát Răm*” trong văn hóa của dân tộc Khmer là để cầu chúc năm mới may mắn, cầu mong sự bình yên, năm mới làm ăn được mùa; lễ cúng giỗ ông, bà còn gọi là Senl - Dôl - Ta, với nhiều hoạt động thăm hỏi và các hoạt động ca múa mang đậm chất dân tộc và kết thúc bằng lễ cúng chùa; ngày hội Ok - Om – Bok diễn ra khoảng giữa tháng 10 âm lịch, với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao mang đậm bản sắc dân tộc Khmer như: lễ cúng trăng, thả hoa đăng - đèn nước, trong đó đáng chú ý nhất là môn đua Ghe Ngo truyền thống diễn ra sôi nổi và cạnh tranh khốc liệt nhưng đầy ắp tiếng cười trong niềm hân hoan của lễ hội. Trong cộng đồng dân tộc Khmer có 01 đội đua Ghe ngo, 24 đội đánh ngũ âm, 07 đội múa Sa Dam, 15 đội văn nghệ Khmer không chuyên của các chùa phục vụ lễ hội cổ truyền của dân tộc,... Trong đời sống tinh thần của dân tộc Khmer gắn liền những ngôi chùa cổ kính nhưng đầy tín ngưỡng, toàn huyện có 22 ngôi chùa Khmer được xây dựng khang trang, được trang trí với nhiều hoa văn mang đậm nét đặc sắc văn hóa dân tộc, được làm từ những nghệ nhân khéo léo, đây là đặc trưng riêng sẵn có của dân tộc Khmer; trong đời sống sinh hoạt và tâm linh người đã khuất được đem đi hỏa táng, toàn huyện có 22 lò hỏa táng trong cộng đồng người dân tộc, vị trí đặt ngay trong các ngôi chùa nhưng ở khu riêng biệt, lò hỏa táng được xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường.

- Trong phát triển xây dựng nếp sống văn hóa - nông thôn mới: Toàn huyện có 27.918/30.522 hộ gia đình văn hóa - nông thôn mới, chiếm 91,5% số hộ gia đình văn hóa nông thôn mới ở nông thôn; tổng số 52/62 ấp đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 83,9% theo Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành tiêu chuẩn “ấp văn hóa, nông thôn mới” “gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, tăng 47 ấp văn hóa, ấp nông thôn mới so với năm 2016; có 10/10 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 100%, tăng 08 xã văn hóa nông thôn mới so với năm 2016.

**Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

#### 2.4.4) Về môi trường:

- Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình về môi trường nông thôn còn nhiều hạn chế kể cả sử dụng nước sạch, vệ sinh, cảnh quang, an toàn thực phẩm, thể hiện cụ thể năm 2010, 2011 chưa đạt.



- Đến nay toàn huyện có 21 trạm cấp nước tập trung, công suất nhà máy nước đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn huyện. Đến thời điểm hiện tại, toàn huyện có 30.247/30.522 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 99,1% và tăng 3.127 hộ so năm 2011 (27.120 hộ). Trong đó, hộ sử dụng nước sạch 20.605/30.522, đạt 67,51% và tăng 15.201 so năm 2011 (5.404 hộ).

- Về tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

+ Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền vận động tất cả các cơ sở sản xuất, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở nào gây ô nhiễm môi trường<sup>(1)</sup>.

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ có tác động đến môi trường đều có các biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định; thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100%, so năm 2011 chỉ có 9,5% có cam kết bảo vệ môi trường. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản của huyện và không vi phạm Luật Bảo vệ môi trường. Cơ sở chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Luật thú y. Chuồng trại đảm bảo vệ sinh, chất thải chăn nuôi cơ bản được thu gom xử lý theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Về xây dựng cảnh quang, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Hệ thống cây xanh trên địa bàn phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan cũng như cải thiện môi trường không khí, đặc biệt tại trụ sở, các trường học, các tuyến đường giao thông ... Các tuyến đường làng, ngõ xóm, kênh mương, ao hồ và các khu vực công cộng được vệ sinh môi trường thường xuyên được dọn sạch sẽ thông qua các phong trào "*thứ bảy tình nguyện*", "*chủ nhật xanh*" của Đoàn Thanh niên; phong trào "*5 không 3 sạch*", "*tuyến đường hoa*" của Hội Phụ nữ; 100% số xã đạt chỉ tiêu đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường. Toàn huyện xây dựng tuyến đường xanh - sạch - đẹp, dài 59,6 km; trồng các loại cây Hoàng Yến, Nguyệt Quế..... trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và dọc các tuyến đường giao thông nông thôn đã hình thành nên những tuyến đường hoa, tạo vẻ mỹ quan cho xã nông thôn mới. Ngoài ra trên địa bàn các xã đều có hệ thống đèn chiếu sáng.

- Nghĩa trang nhân dân: Có 07/10 xã có nghĩa trang nhân dân, trong đó có 01 nghĩa trang liên xã, được quản lý và sử dụng đúng quy định. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có nghĩa trang liệt sĩ huyện, các nhà hỏa táng của đồng bào dân tộc Khmer và các đất thánh của đồng bào công giáo.

<sup>(1)</sup>Toàn huyện có 669/744 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường; 07/07 trang trại chăn nuôi đảm bảo về môi trường và vệ sinh thú y; hộ chăn nuôi đăng ký biogas 1.252 hầm



- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Cụ thể:

+ Các Bãi chứa rác: có 01 trạm trung chuyển rác cấp xã và có 01 bãi rác cấp huyện.

+ Huyện xây dựng Phương án thu gom rác, hợp đồng với công ty Trương Đức Huy để thu gom rác trên địa bàn huyện. Rác thải phát sinh được thu gom, vận chuyển về bãi rác huyện để xử lý.

+ Hướng dẫn các xã tuyên truyền, vận động nhân dân thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đúng theo quy định. Từ năm 2017 đến nay, trên địa bàn huyện bố trí được 33 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

+ Lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 37,05 tấn/ngày đêm. Thu gom trên địa bàn thị trấn và các tuyến đường, khu trung tâm các xã khoảng 24,376 tấn, xử lý tại Lò đốt rác bằng phương pháp chôn lấp hoàn toàn 24,376 tấn. Chất thải rắn y tế tại các Trạm y tế, Phòng khám tư nhân được phân loại, thu gom như sau: đối với chất thải không lây nhiễm xử lý bằng cách tự đốt; đối với chất thải lây nhiễm hợp đồng với công ty môi trường đô thị thành phố Hồ Chí Minh xử lý đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015. Chất thải rắn y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện được phân loại, thu gom và xử lý tại chỗ.

- Thực hiện nề nếp sinh hoạt theo chuẩn văn hóa nông thôn mới, đến nay tỷ lệ hộ có hố xí - nhà tắm hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 10 xã nông thôn mới tổng số hộ gia đình có hố xí - nhà tắm hợp vệ sinh 22.281/30.522 hộ, đạt 73% (nhà tắm và hố xí được xây dựng chung trong cùng một khu), tăng từ 52% năm 2011.

- Về tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trong chăn nuôi thường xuyên làm tốt công tác vận động tuyên truyền cho hộ chăn nuôi có ý thức bảo vệ môi trường, phát các tờ rơi hướng dẫn xử lý rác thải trong chăn nuôi cũng như tập huấn phương pháp xây dựng hầm biogas đảm bảo vệ sinh môi trường. Toàn huyện có 4.437/5.221 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 85% tổng số hộ chăn nuôi các xã nông thôn mới. So với năm 2011 (1.288/5.368 hộ) chỉ đạt 24 % hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. UBND huyện thường xuyên quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về an toàn thực phẩm; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên; Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết. Hiện nay 10/10 xã nông thôn mới có tổng số 16.246 các cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình kinh doanh thực phẩm tuân thủ



các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100% (trong đó 173 cơ sở cấp giấy đủ điều kiện ATTP). Năm 2011 có 34 cơ sở có chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Cơ quan, Trường học, Xí nghiệp trên địa bàn các xã nông thôn mới đều đảm bảo xanh - sạch - đẹp và được công nhận cơ quan văn hoá đạt 100%.

**\* Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

### **2.5) Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội và giữ gìn an ninh trật tự:**

Hệ thống chính trị ở cấp xã và các khu dân cư thường xuyên được huyện chỉ đạo củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được UBND huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện.

#### **2.5.1) Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

- Tổng số cán bộ, công chức của 10/10 xã đều đạt chuẩn theo quy định.

- 10/10 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định gồm: Đảng cơ sở, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn.

- Đảng bộ 10/10 xã cuối năm 2018 qua kiểm tra đánh giá đều xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Cuối năm 2018, qua đánh giá cuối năm 10/10 xã có tổ chức chính trị - xã hội đều được cơ quan cấp trên công nhận đạt loại khá trở lên.

- Qua kiểm tra chấm điểm cuối năm 2018, 10/10 xã nông thôn mới đều đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và được UBND huyện ra quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, đảm bảo: 10/10 xã có tỷ lệ nữ tham gia ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ đạt trên 15%, 10/10 xã có quy hoạch lãnh đạo chủ chốt là nữ; 10/10 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình, vốn ngân hàng chính sách.

- 100% các xã đầu năm Đảng ủy đều có xây dựng Nghị quyết và UBND xã đã ban hành Kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi tham gia tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đạt trên 89%.



**Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

#### 2.5.2) Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh:

- 10/10 xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định. Các Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng được đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên; hằng năm được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn. Các xã đều đã bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự xã, phòng làm việc có đầy đủ trang thiết bị theo quy định. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ nông thôn đạt 451/1.507 đạt 29,92%. Có 62/62 ấp đội trưởng là đảng viên, chiếm 100%.

- Hằng năm Huyện hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. Xây dựng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu trên giao; 100% Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Ấp Đội trưởng là đảng viên. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Trước năm 2010 tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện còn nhiều diễn biến phức tạp. Các tổ chức phản động bên ngoài đẩy mạnh hoạt động tán phát tài liệu có nội dung xấu, tuyên truyền xuyên tạc, tình hình trong dân tộc, tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện, hoạt động truyền đạo trái pháp luật, hoạt động tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy từng lúc, từng nơi diễn biến phức tạp, nổi cộm là trộm cắp tài sản, giết người...trung bình 30 vụ/năm. Khi thực hiện xây dựng nông thôn mới tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các xã trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội gắn với thực hiện Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, ma túy, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng được 11 loại mô hình với 192 câu lạc bộ phòng, chống tội phạm. Trong đó có nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả, điển hình là mô hình tuyên truyền, cảm hóa giáo dục đối tượng trong cơ sở tôn giáo; mô hình phụ nữ quản lý giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội về tệ nạn xã hội; mô hình phát hiện tố giác vây bắt tội phạm.... được Giám đốc Công an tỉnh tặng giấy khen. Tình hình trật tự an toàn xã hội được kiểm chế và kéo giảm, góp phần giữ vững cuối năm 2018 kiểm tra đánh giá 68/70 ấp, khóm được công nhận an toàn về an ninh trật tự và 09/10 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự; đến thời điểm hiện tại có 10/10 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

- **Đánh giá:** 10/10 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định



số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

### **3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới:**

#### **3.1) Tiêu chí số 1 về quy hoạch:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Có quy hoạch xây dựng Vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Có quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2015; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cầu Kè đến năm 2020; Tuy nhiên, các quy hoạch vẫn còn chưa đáp ứng yêu cầu cho xây dựng huyện nông thôn mới.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Khi các quy hoạch được phê duyệt, Huyện có xây dựng và ra Quyết định ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, chỉ đạo công bố quy hoạch rộng rãi có phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành chuyên môn có liên quan triển khai thực hiện và quản lý đúng quy định.

+ Về Quy hoạch vùng huyện: Trên cơ sở Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 35/2016/TTBNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, nhằm tạo cơ sở, tiền đề quản lý, định hướng phát triển huyện Cầu Kè kết nối đồng bộ, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, huyện Cầu Kè đã hoàn thành công tác lập quy hoạch vùng huyện đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030. Sau đó, tiến hành cuộc họp triển khai công bố quy hoạch và niêm yết công khai tại các nơi công cộng và xây dựng các cụm Pano để công bố rộng rãi cho toàn dân biết thực hiện.

- *Đánh giá:* Đạt tiêu chí về quy hoạch theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

#### **3.2) Tiêu chí số 2 về giao thông:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã, có Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.

+ Đường thủy (nếu có): Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

+ Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối



thiếu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

+ Đường bộ: Toàn huyện có 410 tuyến đường giao thông, dài khoảng 612 km, tổng số 210/298 cầu kiên cố, 185 công cụ thể gồm: 01 tuyến Quốc lộ 54 đi qua với chiều dài 23km đã được cứng hóa nhưng chưa mở rộng, 10 tuyến đường huyện và đường tỉnh lộ kết nối với Trung tâm hành chính xã, với chiều dài 41km được cứng hóa 25 km; Có 07 tuyến đường trục xã, liên xã được cứng hóa 15km/24km; Có 74 tuyến đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa 41km/137km; Có 309 tuyến đường ngõ xóm được cứng hóa 102km/360km; 12 tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa 8km/27km. Hệ thống đường giao thông vẫn còn chưa đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân, các tuyến đường ngõ xóm còn lầy lội, các tuyến đường trục chính nội đồng chưa được xây dựng đầy đủ để phục vụ cho lưu thông hàng hóa, các tuyến liên ấp trục ấp thiếu và nhiều tuyến đường xuống cấp ít được duy tu sửa chữa.

+ Đường thủy: Huyện có tuyến sông Hậu: sông Tổng Tồn, sông Bông Bót, sông Tân Dinh, các nhánh của sông và hệ thống kênh rạch chằng chịt phục vụ vận chuyển hàng hóa và lưu thông thủy với tổng chiều dài 52km/315km được nạo vét, luồng lạch. Tuy nhiên, các bến giao thông, các tuyến luồng lưu thông chưa được lắp biển cảnh báo nguy hiểm, các bến thủy nội địa còn tự phát thiếu quản lý và chưa được cấp phép, một số hệ thống kênh chưa được nạo vét để lưu thông dòng chảy, ảnh hưởng đến việc tưới tiêu, nuôi trồng của người dân.

+ Vận tải: Xây dựng Bến xe huyện đạt, với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>; chưa có bố trí đầy đủ điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Đường bộ: Đến nay toàn huyện có 428 tuyến đường giao thông, dài khoảng 642 km, tổng số 322/345 cầu kiên cố, 388 công cụ thể gồm: 01 tuyến Quốc lộ 54 đi qua với chiều dài 23 km đã được mở rộng và thảm nhựa 100% , cải tạo nâng cấp 10 tuyến đường huyện và đường tỉnh lộ kết nối với Trung tâm hành chính xã, với chiều dài 41km, được nhựa 100%; Có 11 tuyến đường trục xã, liên xã được cứng hóa 24km/24km; Có 74 tuyến đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa 86km/137km; Có 327 tuyến đường ngõ xóm được cứng hóa 232km/390km; 12 tuyến đường trục chính nội đồng với chiều dài 27km, đã được thảm nhựa 100%. Hệ thống đường giao thông tương đối phù hợp với cấp đường theo quy hoạch, phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông của huyện. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, đáp ứng nhu cầu của người dân, Hàng năm huyện có kế hoạch bảo trì, sửa chữa các tuyến đường, cầu, cống bị hư hỏng đảm bảo giao thông được thông suốt và an toàn.

+ Đường thủy: Huyện có một số tuyến giao thông thủy quan trọng như: sông Tổng Tồn, sông Bông Bót, sông Tân Dinh, các sông này cùng với sông Hậu tạo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế -



xã hội của huyện, các tuyến giao thông thủy trọng yếu đều được lắp đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn cho phương tiện lưu thông. Hệ thống kênh rạch phục vụ vận chuyển hàng hóa và lưu thông thủy với tổng chiều dài 296Km/315Km đã được nạo vét, luồng lạch. Huyện có 14 bến thủy nội địa được Sở Giao thông vận tải cấp phép đủ điều kiện hoạt động an toàn theo quy định. Hiện nay hệ thống giao thông thủy của Huyện tương đối hoàn thiện và thường xuyên được bảo trì hàng năm.

+ Vận tải: Đã xây dựng bến xe huyện đạt tiêu chuẩn loại IV, với diện tích 3.000m<sup>2</sup>; có bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện; có tuyến vận tải hành khách công cộng theo quy hoạch.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về giao thông theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

### **3.3) Tiêu chí số 3 về thủy lợi:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Cầu Kè cơ bản được xây dựng nhưng chưa hoàn chỉnh từ kênh trục chính (cấp II) đến các tuyến kênh nhánh nội đồng (cấp III). Do trong quá trình sử dụng trong thời gian dài và không được nạo vét thường xuyên xảy ra hiện tượng bồi lắng, độ sâu không đáp ứng nhu cầu tưới tiêu dẫn đến tình trạng một số khu vực còn thiếu nước cục bộ vào mùa khô và ngập úng vào mùa mưa gây ảnh hưởng không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp và lưu thông hàng hóa của nhân dân. Chưa thực hiện tốt kế hoạch vận hành cống Rạch Gum, Mỹ Văn trong việc ngăn mặn trữ ngọt nên nước mặn vẫn còn xâm nhập vào nội đồng; chưa đầu tư hệ thống cống, bọng từ đó chưa chủ động trữ nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:* Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. Các tuyến kênh trục chính, kênh sườn trên địa bàn huyện đều được thông tuyến và đấu nối với các hệ thống sông chính phù hợp với quy hoạch phục vụ cho sản xuất, toàn huyện, hiện nay toàn huyện có 339 tuyến kênh, dài 577,921 km (Trong đó: Kênh cấp I có 25 tuyến, dài 148,069 km, ngang từ 10 - 30 m; kênh cấp II có 170 tuyến, dài 266,423 km, ngang từ 6 - 20 m; kênh cấp III có 144 tuyến, dài 163,429 km, ngang từ 4 - 8 m), cùng với hệ thống kênh, huyện có 44 cống, bọng đầu mối đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh. Ngoài ra, Huyện có một hệ thống kênh Bê tông nối với một nhánh kênh chính chiều dài 1.053 m và 03 kênh nhánh, chiều dài 856 m phục vụ cho mô hình cánh đồng lớn trên 50 ha, liên kết tiêu thụ lúa hàng hóa theo chuỗi giá trị thông qua hợp tác xã. Đặc biệt là hệ thống cống Rạch Gum với 3 cửa, Mỹ Văn với 2 cửa, mỗi cửa rộng 10 m phục vụ ngăn mặn, trữ ngọt điều tiết nước, phục vụ



sản xuất trên 9.577 ha đất sản xuất nông nghiệp và đảm bảo tốt cho lưu thông, vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy.

- Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã: Trên địa bàn huyện có Xí nghiệp thủy nông huyện trực thuộc Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Trà Vinh thực hiện việc quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi hoạt động hiệu quả, đảm bảo phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn; tất cả các công trình thủy lợi do huyện quản lý đều được phân cấp quản lý, giao trách nhiệm rõ ràng đảm bảo việc quản lý và vận hành; Đảm bảo điều hòa phân phối nước tiêu nước cấp hợp lý; điều tiết, vận hành các cống, bọng đầu mối, quản lý trạm Bơm đúng theo quy định. Hàng năm đều có kế hoạch bảo trì, duy tu, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi.

- Hàng năm có xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, nâng cấp thường xuyên hệ thống công trình từ nguồn vốn cấp bù dịch vụ công ích thủy lợi; nạo vét kênh trục và kênh nội đồng; xây dựng kế hoạch vận hành các cống đầu mối nhằm chủ động cung cấp và tiêu thoát nước phục vụ sản xuất.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đồng bộ theo quy hoạch, đảm bảo 100% nhu cầu nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

*- **Đánh giá:** Đạt tiêu chí về thủy lợi theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

#### **3.4) Tiêu chí 4 về điện:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Toàn huyện có 377 Trạm biến áp, với tổng công suất 16.045 KVA; 243 km đường dây trung thế; khoảng 309,19 km đường dây hạ thế; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 98,26%. Trong đó, hộ đầu nối đuôi khoảng 14,96%.

#### *- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hiện nay hệ thống điện trung, hạ áp liên xã trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển của ngành điện và thường xuyên được kiểm tra an toàn theo ngành điện. Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây hạ thế và được đầu tư, cải tạo lưới điện đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống. Đến nay toàn huyện có 302,57 km đường dây điện trung thế, 575,71 km đường dây điện hạ thế và 492 trạm biến áp, dung lượng 23.442 KVA đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và đảm bảo phục vụ sản xuất 100%; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,79% (30.457/30.522) trong đó hộ nối đuôi 3,7%. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm



bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo quy định của Bộ Công thương; đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về điện theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

### **3.5) Tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục:**

#### **3.5.1. Về y tế:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn huyện hoặc Trung tâm Y tế có giường bệnh được công nhận từ hạng 3 trở lên.

Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia hoặc Trung tâm Y tế không có giường bệnh, có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đủ theo quy định của Bộ Y tế cho Trung tâm Y tế dự phòng tuyến huyện.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Huyện có Bệnh viện đa khoa Cầu Kè, quy mô 100 giường bệnh; có Trung tâm Y tế huyện, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự theo quy định.

#### **- Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Hệ thống y tế của huyện đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Bệnh viện Đa khoa huyện Cầu Kè được đầu tư nâng cấp xây dựng trên diện tích 14.232 m<sup>2</sup>, quy mô 100 giường bệnh, được công nhận đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng 3 theo Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về việc xếp hạng các bệnh viện thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

Trung tâm Y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cũng như các hoạt động ý tế khác. Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè sáp nhập với Bệnh viện đa khoa huyện Cầu Kè, hiện Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nhân sự theo quy định của Bộ Y tế, theo Công văn số 1069/SYT ngày 13/5/2019 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh. Đến 30 tháng 8 năm 2019, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện là 108.536/111.860 người, đạt 97,03%. Trong đó, khu vực nông thôn là 102.930/104.872. người, chiếm 98,14%; chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn thực hiện đạt kết quả cao, tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi toàn huyện đến tháng 9 năm 2019 có 359/8719 em, chiếm tỷ lệ 4,11%, giảm 1,51% so năm 2011 (năm 2011 tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi 5,62%).

#### **3.5.2) Về Văn hóa:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (thị trấn, phường) có hiệu quả theo quy định.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* cơ sở vật chất văn hóa của huyện



chỉ có 01 Nhà văn hóa - thể thao với diện tích 800m<sup>2</sup>, Khu Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi huyện với diện tích đất sử dụng 6.359,8m<sup>2</sup> và Sân bóng, diện tích 9.779m<sup>2</sup>. Tuy nhiên kết cấu đã xuống cấp, khu sinh hoạt thiếu nhi thiếu các trang thiết bị thu hút trẻ em đến vui chơi, thiếu các phòng chức năng phục vụ cho công tác chuyên môn và các hoạt động khác,...

- *Kết quả thực hiện:* Trung tâm văn hóa - thể thao huyện được đầu tư xây dựng với tổng diện tích 12.348,8m<sup>2</sup>, có đủ các phòng làm việc của bộ phận chuyên môn; các phòng chức năng; phòng tập luyện trong nhà; khu vui chơi dành cho thiếu nhi và hoàn thành thủ tục đầu tư, triển khai xây dựng Nhà thi đấu đa năng nhằm phục vụ tốt nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của huyện. Hiện nay, trên địa bàn huyện có Trung tâm văn hóa huyện với diện tích đất sử dụng 6.000 m<sup>2</sup>, tổ chức phục vụ các dịch vụ vui chơi, giải trí, hàng năm có gần 15.000 lượt trẻ em và người dân đến vui chơi, giải trí; có gần 8.000 lượt người đến tham gia tập luyện thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ và các giải đấu bóng chuyền. Nhà văn hóa - thể thao diện tích 800 m<sup>2</sup>, hàng năm có trên 4.000 lượt người đến tập luyện, giao lưu các môn thể thao. Đây cũng là nơi tổ chức các sự kiện, hội thi, hội diễn,... Mặt khác, huyện có 01 xe chuyên dụng phục vụ tốt công tác tuyên truyền, thông tin lưu động và thực hiện tốt các hoạt động kết nối các xã trong huyện. Bên cạnh đó, huyện còn vận động xã hội hóa đầu tư 01 hồ bơi thực hiện chương trình chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn huyện.

### 3.5.3) Trường học:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Trên địa bàn huyện Cầu Kè có Trường THPT Cầu Kè, Trường THPT Phong Phú, Trường THPT Tam Ngãi Tất cả các Trường này đều chưa đạt chuẩn quốc gia.

- *Kết quả thực hiện:* Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ dạy và học các trường trên địa bàn huyện đáp ứng tốt nhu cầu học tập của học sinh toàn huyện, qua quá trình đầu tư xây dựng cả về cơ sở vật chất và chất lượng giáo viên, hiện tại trên địa bàn huyện có 02/03 Trường Trung học phổ thông đã được UBND tỉnh Trà Vinh công nhận đạt chuẩn quốc gia<sup>(2)</sup>, đạt 66,66% tổng số trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

- *Đánh giá:* Đạt tiêu chí về y tế - văn hóa - giáo dục theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### 3.6) Tiêu chí số 6 về sản xuất:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

<sup>(2)</sup> gồm: Trường THPT Phong Phú và Trường THPT Tam Ngãi



+ Trên địa bàn huyện có 06 xã vùng tập trung sản xuất lúa, hiện nay 01 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 281,1 ha, có 279 hộ tham gia; toàn huyện có 02 Hợp tác xã nông nghiệp, với 47 thành viên, vốn điều lệ 64 triệu đồng. Tuy nhiên, mô hình chưa thực hiện được liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất thiếu bền vững; các hợp tác xã chỉ hoạt động cầm chừng, số lượng thành viên ít, vốn góp còn hạn chế chưa xây dựng được phương án kinh doanh cũng như thực hiện vai trò liên kết bao tiêu sản phẩm cho thành viên, đặc biệt là trong cánh đồng lớn.

+ Huyện có tiềm năng phát triển cây ăn trái, nhưng chưa ứng dụng khoa học công nghệ, chất lượng và khả năng cạnh tranh còn hạn chế, chưa liên kết đảm bảo đầu vào đầu ra, vì vậy giá không ổn định.

+ Nền sản xuất nông nghiệp của huyện chủ yếu còn mang tính tự phát, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung, các mô hình quy mô nhỏ. Tổ chức sản xuất nông nghiệp tương đối lạc hậu, theo tập quán và kinh nghiệm, chưa áp dụng nhiều các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác; Trong sản xuất chủ yếu sử dụng giống kém chất lượng, đặc biệt đối với cây lúa sử dụng phương pháp sạ dầy, cơ giới hóa ở các khâu sản xuất còn thấp, chưa hình thành được mô hình sản xuất tập trung, năng suất thấp. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích bình quân khoảng 110 - 120 triệu đồng/ha; quy mô nhỏ, hiệu quả thấp, chưa thực hiện được các khâu liên kết trong sản xuất để tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân và trong thành viên các hợp tác xã,...

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Toàn huyện có 52 mô hình sản xuất nông nghiệp, tăng 48 mô hình so với năm 2011. Trong đó, có 01 mô hình cánh đồng lớn trong sản xuất lúa là sản phẩm chủ lực với 03 điểm thực hiện (ở 03 xã Châu Điền, Phong Phú và Hòa Ân), có 598 hộ tham gia, diện tích 502 ha, trong mô hình này đã thực hiện khâu liên kết thông qua các hợp tác xã nông nghiệp đã ký kết hợp đồng với các công ty bao tiêu sản phẩm lúa cho xã viên hợp tác xã, qua đó làm cho lợi nhuận tăng thêm khi tham gia mô hình liên kết theo chuỗi giá trị tăng thêm từ 4,5 - 5 triệu đồng/ha/vụ. Bên cạnh đó, định hướng sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, huyện đã xây dựng 01 mô hình sản xuất lúa sử dụng phân vi sinh, hữu cơ vi sinh theo hướng sản xuất an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp tác xã (quy mô liên xã) trên địa bàn huyện được 78,26 ha, có 86 hộ tham gia, năng suất bình quân của mô hình đạt 6,02 tấn/ha, giá bán cao hơn từ 150 - 250 đồng/kg, lợi nhuận cao hơn so với ngoài mô hình 4,0 - 5,0 triệu đồng/ha; Trong sản xuất huyện cũng đã thử ứng dụng công nghệ để lắp đặt 03 phao quan trắc có nhiệm vụ cảnh báo mực nước, quản lý độ mặn để kịp thời vận hành các cống đầu mối bảo vệ và tăng hiệu quả sản xuất.

+ Hiện tại trên địa bàn toàn huyện có 15 hợp tác xã nông nghiệp với 667 thành viên, vốn điều lệ 3,95 tỷ đồng, tăng 13 Hợp tác xã nông nghiệp so năm 2011. Qua các chính sách hỗ trợ về kinh tế cũng như nhân lực, đã phát huy hiệu quả hoạt động cho các hợp tác xã nông nghiệp của huyện. Các hợp tác xã nông nghiệp tuy mới thành lập, nhưng hiện nay bước đầu hoạt động đã mang lại lợi ích trước hết



cho xã viên với vai trò là cầu nối liên kết vật tư đầu vào và ký kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa cho xã viên cũng là sản phẩm chủ lực của huyện. Qua đánh giá mặc dù hoạt động chủ yếu tìm liên kết tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho thành viên, kết quả đã đạt lợi nhuận bước đầu trên cổ tức từ 1,5 – 2 triệu đồng, hợp tác xã làm tốt vai trò tổ chức lại sản xuất theo mô hình liên kết.

+ Ngoài ra, tập trung thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng giá trị trên một đơn vị diện tích,... Chỉ đạo quy hoạch sản xuất, xây dựng các vùng chuyên canh với quy mô lớn, tập trung để liên kết theo chuỗi giá trị trên các sản phẩm chủ lực của huyện trong sản xuất. Đến nay, 80% diện tích sản xuất lúa sử dụng giống chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, các khâu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa khoảng 80% đã mang lại hiệu quả tối ưu trong sản xuất góp phần tăng thu nhập đáp ứng tiêu chí nông thôn mới. Chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác như rau các loại, cây bắp, cây ăn trái, cây dứa và trồng cỏ nuôi bò được 1.415,7 ha góp phần tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng giá trị trên đơn vị diện tích; triển khai thực hiện tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, kết quả đã hỗ trợ được 1.340,51 ha, 01 điểm tiêu thụ rau an toàn, 01 mô hình trồng màu nhà lưới bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất và nhiều mô hình trồng trọt, chăn nuôi hiệu quả khác.

+ Huyện đã định hướng và hình thành được những sản phẩm chủ lực của huyện với 07 loại sản phẩm lúa, cam, bưởi, xoài, nhãn, măng cụt, dứa; các xã thị trấn đã đăng ký mỗi xã, thị trấn một sản phẩm đặc trưng đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1905/ QĐ-UBND, ngày 27 tháng 9 năm 2018 hiện nay các xã đang tập trung xây dựng kế hoạch để phát triển sản phẩm của mỗi địa phương đi đến đăng ký nhãn hiệu. Ngoài ra, huyện đã xây dựng được chuỗi liên kết từ đầu vào đến bao tiêu, tiêu thụ trên sản phẩm chủ lực của huyện. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích 193 triệu đồng/ha.

UBND huyện kịp thời có kế hoạch rà soát Qui hoạch về hạ tầng phục vụ sản xuất và quy hoạch tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng lại vùng tập trung về cây ăn trái đáp ứng thị trường xuất khẩu và tiêu dùng nội địa tại các xã, từ đó mà cây ăn trái đem lại thu nhập bình quân 289,7 triệu đồng/ha, cụ thể như sau.

+ Vùng chuyên canh cây ăn trái 2.676 ha: Cam Sành 800 ha ở ấp Bung lớn A, ấp Bung Lớn B (xã Tam Ngãi), ấp An Bình (xã Hòa Tân), ấp Hòa An (xã An Phú Tân); Bưởi Da Xanh 750 ha (xã Ninh Thới, Tam Ngãi); chuyên canh Chôm Chôm 342 ha ở Tân Qui I, Tân Qui II (xã An Phú Tân); chuyên canh Măng Cụt 200 ha ở Tân Qui I, Tân Qui II, ấp An Hòa (xã An Phú Tân); Xoài 584 ha ở ấp An Lộc, An Bình, Hội An (xã Hòa Tân).

+ Vùng sản xuất cây ăn trái trên đất vườn: 3.781 ha. Phân bố tại các xã: Thạnh Phú 271 ha, Thông Hòa 1.126 ha, Hòa Ân 623 ha, Châu Điền 638 ha, Phong Phú 613 ha, Phong Thạnh 510 ha.



+ Vùng sản xuất cây ăn trái trên đất lúa (cây cam sành): 860 ha. Bố trí tại các xã: Thông Hòa 460 ha, Hòa Ân 178 ha, Thạnh Phú 90 ha, Phong Phú 40 ha, Phong Thạnh 25 ha, Châu Điền 67 ha.

+ Ngoài ra trên lĩnh vực cây ăn trái một số diện tích cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế như Cam Sành 1.650 ha, sản lượng 29.700 tấn; Chôm Chôm 275 ha, sản lượng 3.900 tấn; Mãng Cụt 130 ha, sản lượng 1.040 tấn; Sầu Riêng 50 ha, sản lượng 300 tấn; Nhãn 1.242 ha, sản lượng 12.418 tấn.

+ Thực hiện phát triển sản xuất cây Bưởi da xanh sử dụng phân bón vi sinh, theo hướng nông nghiệp sạch, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn 3 xã, với tổng diện tích 35 ha, 64 hộ (Ninh Thới 25 ha, Phong Phú 05 ha, Tam Ngãi 05 ha). Đơn vị phối hợp liên kết là Công Ty TNHH Phân bón Trường Sơn\_TSBio thuộc Khu Công Nghiệp Tân Kim, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

+ Phát triển sản xuất cây Chôm Chôm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, hướng đến xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cây Chôm Chôm An Phú Tân, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã An Phú Tân, với diện tích 20 ha, 31 hộ. Đơn vị phối hợp liên kết là Công ty TNHH Travimex Trà Vinh.

+ Hiện nay huyện đẩy mạnh sản xuất cây ăn trái theo hữu cơ, vi sinh, sạch từng bước xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, đã xây dựng VietGAP trên cây Bưởi da xanh với diện tích 48 ha tại xã Ninh Thới, trên Cây Xoài với diện tích 25 ha tại xã Hòa Tân.

\* *Đánh giá: Đạt tiêu chí về sản xuất theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

### **3.7) Tiêu chí số 7 về môi trường:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

+ Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

+ Có tổ chức thu gom rác thải, nhưng chưa có xe chở rác chuyên dụng. Vấn đề thu gom và xử lý rác thải chưa đúng quy trình, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan môi trường trên địa bàn huyện chưa xanh - sạch - đẹp.

+ Tỷ lệ hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đăng ký đề án bảo vệ môi trường và thực hiện cam kết bảo vệ môi trường chưa được thực hiện tốt, chưa chấp hành nghiêm các quy định về sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Số hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ thấp 24% (1.288/5.368), ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và trong sinh hoạt của Nhân dân chưa cao và chưa đảm bảo.



*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn: Huyện có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt theo Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Kè và đã triển khai thực hiện đạt hiệu quả, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện. Về trang thiết bị và phương tiện: xe thu gom rác, thùng rác được bố trí khắp các tuyến đường đảm bảo công tác vệ sinh môi trường địa bàn huyện luôn sạch đẹp.

+ Trên địa bàn huyện có 16.246 hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100% và tăng 75% so năm 2011.

+ Toàn huyện có 4.437/5.221 hộ chăn nuôi thực hiện đúng quy định và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú ý trong chăn nuôi theo quy định, cam kết bảo vệ môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, đạt 85% số hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện, tăng 61 % so năm 2011.

*- Đánh giá: Đạt tiêu chí về môi trường theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

### **3.8) Tiêu chí số 8 về an ninh, trật tự xã hội:**

*- Yêu cầu của tiêu chí:* Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

*- Thực trạng trước khi thực hiện tiêu chí:* Tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững, tuy nhiên tình hình an ninh trong dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt là các vụ khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội có thời điểm diễn biến phức tạp.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Hằng năm, Huyện ủy có Chỉ thị và UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên tích cực phối hợp tham gia đảm bảo an ninh trật tự.

+ UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị phản ánh của người dân.

+ Trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm liền kề, trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Cụ thể: Năm 2012 xảy ra 123 vụ, năm 2013 xảy ra 116 vụ, năm 2014 xảy ra 115 vụ, năm 2015 xảy ra 169 vụ, năm 2016 xảy ra 145 vụ, năm 2017 xảy ra 136 vụ, năm 2018 xảy ra 105 vụ và 09 tháng đầu



năm 2019 xảy ra 90 vụ (Trong đó bao gồm phạm pháp hình sự và các vi phạm pháp luật khác).

+ Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương; các cơ quan bảo vệ pháp luật và hệ thống chính trị phối hợp giải quyết tốt các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện và công tác tiếp dân.

+ Hằng năm Huyện ủy, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tuyên truyền, vận động và triển khai có hiệu quả công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự đảm bảo chất lượng. Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, lực lượng vũ trang và nhân dân; bồi dưỡng, giáo dục quốc phòng an ninh đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên địa bàn, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống không để bị động, bất ngờ góp phần giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về an ninh, trật tự xã hội, theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

### **3.9) Tiêu chí số 9 về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- *Thực trạng trước khi thực hiện tiêu chí:* Chưa thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và Văn phòng Điều phối nông thôn mới của huyện.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn kịp thời khi thay đổi thành viên, thay đổi vị trí công tác; có thông báo phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn các xã để chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng và nâng chất tiêu chí huyện, xã nông thôn mới.

+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện luôn được củng cố và kiện toàn nhằm tham mưu tốt cho Ban Chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; có xây dựng quy chế và Quyết định ban hành quy chế hoạt động; phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên,



đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

\* **Tóm lại:** Huyện Cầu Kè 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những mặt làm được:**

- Gần 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Cầu Kè đã không ngừng phấn đấu khắc phục khó khăn chủ động sáng tạo, điều hành linh hoạt, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015, đạt 12,99%/năm, giai đoạn 2015-2018 đạt 13%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Một số dự án đã và đang được triển khai thực hiện như: nâng cấp Quốc lộ 54, các Hương lộ Tỉnh lộ trên địa bàn huyện. Đặc biệt xây dựng đường Tân Qui 1, 2; xây dựng cống Tân Dinh, Bông Bót ... và nhiều công trình quang trọng khác trên địa bàn huyện, thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực dịch vụ: Vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng,... tiếp tục phát triển phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

- Công tác quy hoạch được quan tâm thực hiện như: Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung huyện Cầu Kè...

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Chất lượng hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

#### **2. Những mặt hạn chế:**

- Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương; triển khai thực hiện kế hoạch tái cơ cấu kinh tế chưa đi vào chiều sâu, nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sản xuất theo hướng liên kết; nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại -



dịch vụ tuy phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa cao.

- Chất lượng ấp, khóm, xã, thị trấn văn hóa có nơi chưa toàn diện; công tác giảm nghèo thiếu bền vững; đào tạo nghề chưa gắn với thị trường lao động nên chưa giải quyết tốt việc làm cho lao động địa phương; xuất khẩu lao động còn thấp; đời sống của một bộ phận Nhân dân tuy có nâng lên đáng kể nhưng chất lượng cuộc sống chưa được nâng cao; kiểm tra giám sát, quản lý đôi lúc thiếu chặt chẽ.

- Tệ nạn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn ra. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách hành chính cần tiếp tục thực hiện quyết liệt; quản lý Nhà nước ở một số lĩnh vực chưa sát với yêu cầu thực tế, hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động thay đổi ý thức Nhân dân chưa sâu, chưa có nhiều phong trào hay lời cuốn, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng và một số đảng viên chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm.

### **3. Nguyên nhân hạn chế:**

- Xuất phát điểm kinh tế xã hội của huyện thấp, nguồn lực đầu tư có hạn; trình độ và năng lực quản lý chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Nhận thức của một bộ phận Nhân dân đối với công tác xây dựng nông thôn mới, nhất là vệ sinh môi trường còn chưa thật sự chú ý thực hiện.

- Công tác quy hoạch chưa kịp thời, quản lý quy hoạch và triển khai chưa chặt chẽ; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một số nơi năng lực quản lý điều hành chưa cao.

### **4. Bài học kinh nghiệm:**

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền là nhân tố hàng đầu, sự đồng thuận của Nhân dân là nhân tố thứ hai quyết định thắng lợi trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, mà chủ thể là Nhân dân. Vì vậy để phát huy tích cực vai trò của chủ thể thì một trong những giải pháp quan trọng là: Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, thực hiện công khai, dân chủ tất cả các công việc có liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới, để nhân dân được tham gia bàn bạc, quyết định và tổ chức thực hiện.

- Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ ấp, đảm bảo đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các địa phương và từng địa bàn dân cư.

- Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh chỉ đạo, vận động các ấp và từng hộ gia đình trong việc: Chỉnh trang tường rào công ngõ, nhà ở, xây dựng các công trình, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, cải



tạo vườn tạp, đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất; đặc biệt chú ý làm tốt vệ sinh đường làng ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp, thu gom phân loại, xử lý rác thải.

- Phát triển nông nghiệp bền vững góp phần nâng cao thu nhập cho người dân làm tiền đề huy động nguồn lực trong nhân dân: Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; khuyến khích, hỗ trợ phát triển liên doanh, liên kết trong sản xuất. Quan tâm hình thành, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển, nhất là các hợp tác xã có mô hình liên doanh, liên kết hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm điểm, đánh giá nội dung tiến độ xây dựng nông thôn mới tại các cuộc giao ban tuần, tháng, quý của Ban chỉ đạo để đánh giá kết quả thực hiện, chỉ ra những tồn tại hạn chế từ đó đưa ra phương hướng chỉ đạo kịp thời. Gắn trách nhiệm kết quả xây dựng nông thôn mới tới từng cơ quan, đơn vị, thành viên Ban chỉ đạo nông thôn mới. Kịp thời động viên, khen thưởng tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới.

#### **IV. MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN CẦU KÈ**

Qua 09 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, tình hình kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng và chuyển dịch theo hướng tích cực; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng; bộ mặt văn hóa nông thôn có nhiều thay đổi; văn hóa - xã hội có bước tiến bộ; đời sống nhân dân từng bước được nâng lên; chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công, chính sách xã hội, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; dân chủ ở cơ sở tiếp tục được phát huy.

##### **1. Nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo hướng an toàn, ứng dụng công nghệ hữu cơ, vi sinh:**

- Kinh tế nông thôn đạt được những thành tựu quan trọng và có bước chuyển biến mới. Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 5.390,63 tỷ đồng, tăng 4.210,91 tỷ đồng so năm 2011, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giá trị sản xuất nhiều loại cây trồng được nâng lên. Tổng giá trị sản phẩm thu hoạch trên một hecta đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 193 triệu/ha/năm.

- Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè đã xác định sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, ứng dụng công nghệ hữu cơ, vi sinh là bước đi tất yếu, là tương lai của nông nghiệp và từ đó đưa ra những giải pháp sử dụng tài nguyên đất hiệu quả, nâng cao chất lượng để gia tăng thu nhập cho lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Bước đầu các hợp tác xã đã định hướng được cho sản xuất trong hoạt động của mình là xây dựng mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

##### **2. Về kinh tế hợp tác và tổ chức sản xuất trong nông nghiệp:**



- Hiện tại trên địa bàn huyện có 15 hợp tác xã Nông nghiệp đang hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, tăng 13 HTX so năm 2011. Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, các hợp tác xã đã từng bước ký kết được các hợp đồng hợp tác, đã tạo được lòng tin trong các thành viên và có sức lan tỏa trong quần chúng Nhân dân, từ đó ngày càng có nhiều người tham gia góp vốn vào hợp tác xã. Các hợp tác xã đều được thành lập và chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công, phân nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã. Phát triển sản xuất theo quy hoạch cũng được hình thành.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá đang dần đúng hướng, để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, tạo sự ổn định phát triển bền vững trên địa bàn huyện. Qua thời gian thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, huyện Cầu Kè đã xây dựng được các mô hình kinh tế nông nghiệp hiệu quả, đặc biệt đã làm được mô hình liên kết theo chuỗi giá trị tiêu thụ lúa hàng hóa là sản phẩm chủ lực của huyện, đây là nền tảng để nhận rộng ra các sản phẩm chủ lực khác của huyện.

### **3. Phát triển công nghiệp - xây dựng:**

#### *3.1) Công nghiệp:*

- Trong những năm qua, mặc dù ảnh hưởng của suy giảm nền kinh tế nhưng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện vẫn phát triển và bền vững, giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng bình quân đạt 18,49%/năm, đã thu hút được các công ty, doanh nghiệp lớn về đầu tư giải quyết lao động, việc làm tăng thu nhập; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề kinh doanh ngày càng mở rộng với số lượng tăng qua các năm, nghề truyền thống được quan tâm đầu tư và phát triển góp phần quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Trên địa bàn huyện có 92 doanh nghiệp giải quyết việc làm cho hơn 2.344 lao động; UBND huyện đang trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch đối với Cụm Công nghiệp xã Hòa Ân với diện tích 50 ha.

#### *3.2) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:*

- Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Một số công trình trọng điểm như :

+ Nâng cấp mở rộng các đường vào Trung tâm các xã, các đường trục chính nội đồng, hệ thống giao thông nông thôn phủ đều khắp trên địa bàn huyện phục vụ tốt cho nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là phục vụ tốt cơ giới hóa trong nông nghiệp.

+ Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Kè được đầu tư xây dựng với quy mô 200 giường bệnh, đạt chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ



sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự theo quy định; các Trạm Y tế xã đều đạt chuẩn quốc gia về y tế.

+ Trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú được đầu tư xây dựng năm 1992 với tổng kinh phí gần 1,9 tỷ đồng (năm 2019 có kế hoạch cải tạo ký túc xá và xây mới 04 phòng chức năng, tổng kinh phí 07 tỷ đồng) cùng với 03 Trường Trung học phổ thông, 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện đáp ứng tốt cho nhu cầu giáo dục phổ thông và dạy nghề góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Cơ sở vật chất trường lớp trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy, học của giáo viên và học sinh.

+ Các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng, nâng cấp, trang bị các phương tiện, vật chất tương đối hoàn chỉnh gồm: Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi huyện, Nhà văn hóa - thể thao huyện; sân bóng đá huyện; Trung tâm văn hóa thông tin & thể thao huyện và đang triển khai xây dựng Nhà thi đấu đa năng huyện Cầu Kè. Ngoài ra, ở các xã đều có Trung tâm văn hóa thông tin & thể thao xã, sân bóng đá, Nhà văn hóa - khu thể thao ấp... phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt, giao lưu văn hóa và các hoạt động thể thao của người dân.

+ Hệ thống điện được chú trọng cải tạo, nâng cấp cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất cho đời sống Nhân dân, hoàn thành đường dây trung thế, hạ thế, trạm biến áp; mạng viễn thông đáp ứng trong toàn huyện, đến tất cả các ấp; 3 dịch vụ: Điện thoại cố định, điện thoại di động, Internet đáp ứng quy chuẩn quốc gia; hệ thống cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phục vụ sản xuất cho nông dân. Huyện có 21 đài nước cấp nước sạch tập trung ở các cụm dân cư, kết hợp với sử dụng giếng nước bơm tay góp phần nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh khu vực thị trấn 100%, khu vực nông thôn 99,1%. So năm 2011 tăng thêm gần 10% .

#### **4. Thương mại, dịch vụ:**

- Thương mại, dịch vụ phát triển mạnh, nhiều ngành có mức tăng trưởng khá; hình thành một số loại hình dịch vụ chất lượng cao, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống; hoạt động thương mại, dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng phát triển mạnh với tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng bình quân 21,84%/năm.

- Thực hiện tốt Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn; đa số các chợ nông thôn hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa thiết yếu tiêu dùng phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt thiết yếu của Nhân dân. Công tác tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, chống hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng.

#### **5. Phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ:**

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục phát triển sâu, rộng, chất lượng, hiệu quả được nâng lên ; văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông và phong trào luyện tập thể dục thể thao quần chúng có bước phát triển mới như câu lạc bộ dưỡng sinh, nhóm thể dục, võ cổ truyền, nếp sống văn hóa



trong việc cưới việc, việc tang, lễ hội: Lễ cưới được tổ chức đảm bảo đúng theo Luật hôn nhân và gia đình, đảm bảo trang trọng và tiết kiệm, xóa bỏ nhiều hủ tục lạc hậu,...

- Giáo dục và đào tạo đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần quan trọng vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra. Các phong trào thi đua, cuộc vận động và chủ đề năm học được phát động, tổ chức thực hiện nghiêm túc gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chất lượng giáo dục được quan tâm và phát triển ổn định, vững chắc, quy mô phù hợp, đáp ứng yêu cầu người học. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm đầu tư tốt hơn. Chất lượng giáo dục được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ giáo viên được đào tạo theo hướng chuẩn hóa. Phương pháp dạy và học không ngừng được đổi mới; trật tự, kỷ cương trong nhà trường được giữ vững. Xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Huyện đã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 1 tăng lên mức độ 3. Chất lượng học sinh giỏi các cấp ổn định ở mức cao, giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề được coi trọng, quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống, sản xuất được coi trọng đã thực hiện, mô hình ứng dụng phân bón thông minh, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất nông nghiệp dần được hình thành; công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi; công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ được tăng cường.

## **6. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên:**

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng được chú trọng, từ việc triển khai tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; hệ thống y tế nhà nước và tư nhân được củng cố phát triển; công tác quản lý nhà nước về y tế từng bước được nâng cao; công tác phòng chống dịch bệnh luôn được quan tâm thực hiện tốt; an toàn vệ sinh thực phẩm được kiểm soát; các cơ sở khám chữa bệnh, trang thiết bị y tế ngày càng hiện đại; đội ngũ y, bác sỹ không ngừng đào tạo nâng cao đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân. Hiện nay có 11/11 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, tăng 03 xã, thị trấn so năm 2011; 100% số trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ làm việc... Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè đưa vào hoạt động phục vụ tốt nhu cầu khám và điều trị bệnh cho Nhân dân; quan tâm giáo dục, chấn chỉnh y đức của đội ngũ y, bác sỹ và cán bộ, viên chức ngành y tế, từ đó tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân có sự chuyển biến tích cực; nhất là đối với trẻ em, người nghèo, đồng bào dân tộc Khmer; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế ở mức cao.

## **7. Giải quyết các vấn đề lao động, việc làm, đảm bảo an sinh xã hội:**

- Từ năm 2011 đến nay toàn huyện có 71.857/76.943 lao động có việc làm thường xuyên, đạt 93,4%.



- Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định về chính sách xã hội, chăm sóc người có công, trợ giúp khó khăn. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện có hiệu quả, góp phần giảm nghèo bền vững.

## **8. Quốc phòng - an ninh:**

- Các Chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về quốc phòng, an ninh được các cấp ủy quán triệt, thực hiện nghiêm túc; công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được triển khai thực hiện có hiệu quả. Lực lượng vũ trang huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chất lượng tổng hợp của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được nâng lên. Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Công tác hậu cần nhân dân, hậu cần địa phương được phát huy tích cực bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Hàng năm, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng, đúng luật. Tổ chức huấn luyện, diễn tập đạt chất lượng, hiệu quả, thiết thực. Phát huy tốt tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, các Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm thực hiện tốt. Các cấp, các ngành đã phối hợp tốt trong việc đảm bảo giữ vững an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Tập trung chỉ đạo có hiệu quả các đợt cao điểm phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm. Tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự, nhất là các vụ trọng án được kiểm chế. Đảm bảo tuyệt đối an ninh trật tự cho các sự kiện chính trị của Đảng, Nhà nước và các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, của địa phương.

## **Phần thứ ba KẾ HOẠCH NÂNG CHẤT CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

#### **1. Quan điểm:**

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan điểm xây dựng nông thôn mới là hướng đến thực hiện việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn.

#### **2. Mục tiêu:**



**2.1) Mục tiêu chung:** Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước theo hướng hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng nâng cao.

**2.2) Mục tiêu cụ thể:**

- Phần đầu sau năm 2020 đạt các chỉ tiêu:

+ Nâng chất 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 giai đoạn 2018-2020 của UBND tỉnh Trà Vinh; phần đầu có 01 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Cầu Kè trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sau năm 2020.

+ Tỷ lệ nhà ở đạt theo tiêu chuẩn quy định từ 90% trở lên.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% trở lên.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 99,8%.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 75% trở lên.

+ Tỷ lệ thu gom rác thải tập trung đạt 100%; tạo cảnh quan môi trường sáng-xanh - sạch - đẹp.

+ Trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất 90%.

+ Chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Đề án của huyện đề ra, đảm bảo lao động có việc làm ổn định, tăng thu nhập và thoát nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo của huyện khoảng dưới 2%. + Thu nhập bình quân đầu người đạt 59,35 triệu đồng/người/năm.

## **II. NỘI DUNG NÂNG CHẤT CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới tại các xã**

**1.1) Về quy hoạch:** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế địa phương; triển khai thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

### **1.2) Về hạ tầng kinh tế - xã hội:**

- *Giao thông:* Tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tu thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương; bổ sung quy hoạch mạng lưới giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành nghiêm Luật Giao thông, cấp biển báo đúng quy định, không vi phạm hành lang an toàn giao thông; duy trì và nhận rộng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; các tuyến đường hoa trên địa bàn các xã.



- *Thủy lợi*: Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; hàng năm tranh thủ nguồn vốn đầu tư nạo vét các tuyến kênh mương phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và nuôi thủy sản.

- *Trường học*: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, đồng thời đầu tư xây dựng các trường còn lại để đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, có kế hoạch cụ thể nâng cao một số trường từ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất trên địa bàn huyện lên đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Tiếp tục trang bị thêm các thiết bị đối với các trường đạt chuẩn còn thiếu để nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường công tác xây dựng cảnh quan môi trường Trường học đạt “xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

- *Nhà ở*: Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 22, Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ, các chính sách an sinh xã hội và các nguồn hỗ trợ của mạnh thường quân tiếp tục đầu tư hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, đảm bảo cho người dân có nhà ở ổn định đảm bảo tối thiểu 03 cứng theo quy định của bộ xây dựng.

### **1.3) Văn hóa, y tế, môi trường:**

- *Về lĩnh vực văn hóa*: Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các ấp cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao, các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện. Hàng năm bố trí một nguồn kinh phí hợp lý để đầu tư các trang thiết bị cho các nhà văn hóa cho hoàn thiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

- *Về lĩnh vực y tế*: Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện trên 95%. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn Quốc gia về y tế xã trong đó chú ý đầu tư thêm trang thiết bị cho trạm y tế xã, trường trạm y tế các xã phải là bác sỹ, đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- *Về lĩnh vực môi trường*:

+ Tiếp tục thực hiện tốt Đề án thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện. Đề nghị tỉnh đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải để xử lý lượng rác thải trên địa bàn huyện đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tổ chức đoàn thể huyện, xã thực hiện có hiệu quả các kế hoạch vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, thường xuyên triển khai làm tốt phong trào của Đoàn Thanh niên, phong trào “5 không 3 sạch” của Hội Phụ nữ, phong trào “Ngày chủ nhật xanh” vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường xanh - sạch - đẹp.



#### **1.4) Kinh tế và tổ chức sản xuất**

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17 tháng 8 năm 2018 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa huyện theo quyết định số 04/2017/QĐ - UBND của UBND tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020, qua đó củng cố xây dựng liên kết vững chắc giữ hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp và định hướng xây dựng được vùng nguyên liệu để hình thành mỗi hợp tác xã có một sản phẩm mang nhãn hiệu có tính cạnh tranh, qua đó nâng cao thu nhập cho thành viên hợp tác xã cũng là nâng cao thu nhập cho người dân.

- Đối với sản phẩm chủ lực, khẩn trương triển khai đề án “phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tinh trà vinh giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030” theo quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh. Trong đó tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của từng địa phương (lúa, Bưởi, Xoài, Sầu Riêng, cây dứa...), đồng thời xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc để hướng đến xây dựng quy trình sản xuất quy chuẩn quy định, xây dựng được nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm, nông nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện và các loại nông sản khác khi đủ điều kiện.

- Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện theo hướng nâng cao giá trị, tập trung triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao, trồng rau nhà lưới, phát triển và nhân rộng mô hình trồng cây ăn trái sản xuất theo hướng hữu cơ, vi sinh an toàn để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo vườn dứa gắn với thực hiện Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dứa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020 theo Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Tiếp tục phát triển sản xuất theo hướng trang trại đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện để mang lại giá trị kinh tế cao, tập trung phát triển đàn heo theo hướng trang trại, chăn nuôi vịt, nuôi gà đẻ trứng,... trong đó chú trọng phát triển đàn bò là vật nuôi chủ lực của huyện, chú ý thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

- Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm; triển khai thực hiện Dự án khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực.

#### **1.5) Hệ thống chính trị, an ninh trật tự:**

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã gắn với Kế hoạch sắp xếp bộ máy tổ chức và tinh giản biên



ché theo chủ trương của Đảng.

- Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác nghiệp vụ, chủ động nắm chắc tình hình, đề ra các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

## **2. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới**

- *Về giao thông*: Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng các Hương lộ và các cầu trên tuyến đảm bảo đồng bộ với cấp đường; đầu tư xây dựng mở rộng Bến xe thị trấn Cầu Kè; nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông nông thôn gắn với quá trình phát triển đô thị. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình giao thông để đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí đô thị loại IV,...

- *Về thủy lợi*: Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý nạo vét hàng năm, củng cố, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng nhằm nâng cao năng lực phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới.

- *Về y tế*: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Cầu Kè đảm bảo đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III; củng cố hoạt động các trạm Y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

- *Về Văn hóa*: Triển khai xây dựng nhà thi đấu đa năng huyện Cầu Kè; kêu gọi đầu tư xây dựng các loại hình hoạt động văn hóa như sân Tennis, các thiết chế văn hóa khác nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và giao lưu văn hóa của nhân dân.

- *Về Trường học*: Tiếp tục nâng chất các tiêu chí Trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư xây dựng mở rộng nâng cấp Trường Trung học phổ thông Cầu Kè đạt chuẩn quốc gia theo quy định đạt 100% số trường hiện có trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia.

- *Về môi trường*: Đẩy mạnh rà soát, thu gom và vận chuyển rác thải, vận chuyển kịp thời lượng rác thải tại các xã, thị trấn về các bãi rác để xử lý. Tăng cường vệ sinh môi trường tại khu vực trung tâm, khu dân cư, các chợ; xử lý môi trường chăn nuôi ở nông thôn; tiếp tục đầu tư mở rộng lò đốt rác các loại kể cả xử lý rác y tế và rác nông nghiệp;

## **3. Định hướng xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn kiểu mẫu**

### **3.1) Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:**

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới đều phấn đấu đạt nông thôn mới nâng cao, chọn xã Ninh Thới làm điểm xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của UBND tỉnh và chọn từ 1-2 xã làm diện để chỉ đạo. Đồng thời, củng cố nâng chất các xã còn lại theo chuẩn nông thôn mới nâng cao. Nâng cao chất lượng hoạt động mô hình cánh đồng lớn, mô hình hợp tác xã kiểu mới, hình thành vùng sản



xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; thành lập thêm các Hợp tác xã để thực hiện tốt liên kết sản xuất và làm ăn có hiệu quả, góp phần giảm nghèo, nâng cao thu nhập người dân theo tiêu chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

- Thực hiện tốt các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục. Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt 100%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên, không còn trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi; tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn theo quy định; có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu. Mỗi ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Thực hiện tốt các tiêu chí về môi trường và an ninh trật tự; cải cách hành chính đảm bảo công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.

### **3.2) Xây dựng huyện Cầu Kè thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu sau năm 2020:**

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới; có kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội phù hợp và đồng bộ; cơ cấu kinh tế và hình thức sản xuất tập trung liên kết theo hướng an toàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất; gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và phát triển du lịch phù hợp với lợi thế của địa phương; phát triển nông thôn đảm bảo giữ gìn bản sắc dân tộc với quá trình đô thị hóa; xã hội nông thôn dân chủ ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh trật tự được giữ vững.

- Trong thời gian tới, huyện Cầu Kè sẽ tổ chức các đoàn công tác để nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, từ đó định hướng xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu ngay từ năm 2020, xác định chủ đề huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “*phát triển hạ tầng sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân*”.

### **4. Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg, ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa**

- Xây dựng huyện Cầu Kè đạt chuẩn huyện nông thôn mới gắn với quá trình phát triển đô thị phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của huyện, đảm bảo trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển của Tỉnh Trà Vinh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển NTM, phát triển đô thị với bảo đảm quốc phòng, an ninh; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.



- Quy hoạch, xây dựng các Trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; phát triển các điểm dân cư tập trung kiểu mẫu; hoàn thành các thủ tục thành lập Cụm Công nghiệp Hòa Ân, tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển thêm Khu công nghiệp; khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện.

- Tiếp tục đổi mới mô hình quản lý chợ, củng cố chỉnh trang các chợ nông thôn; tại các Trung tâm hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp liên xã, hình thành mạng lưới chợ Trung tâm. Tranh thủ nguồn lực, kêu gọi đầu tư xây dựng các Trung tâm thương mại. Ngoài ra kêu gọi đầu tư xây dựng các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng nông sản sạch; quy hoạch, xây dựng chợ đầu mối, chợ đêm phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

- Ngoài Khu công nghiệp cần phát triển một số công ty, xí nghiệp chế biến nông sản gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ; hình thành các nhà máy, xí nghiệp cơ khí, hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

#### **1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung các Quyết định 558, 1600, 1980 của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020 và các văn bản của Trung ương, của Tỉnh hướng dẫn Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân, để mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

#### **2. Rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch:**

- Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu trên thị trường.

- Bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông thôn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường; bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng, các quy hoạch chuyên ngành khác, bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt.

#### **3. Tập trung phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và nâng cao đời sống vật chất của người dân:**

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; trong đó, chú ý phát triển mở rộng các mô hình kinh tế



tiên tiến hiệu quả, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, phát triển sản xuất bền vững.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án “*Tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*”, hình thành các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, với cơ cấu sản xuất phù hợp, hiệu quả, có giá trị kinh tế cao, có nhãn hiệu tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Tập trung chỉ đạo chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, nhất là các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể; khuyến khích phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có quy mô và công nghệ tiên tiến hiện đại.

- Hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, liên kết nông dân với nông dân và liên kết nông dân - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, có quy mô lớn, từng bước xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản của huyện.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về Quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình, gắn với công nghệ chế biến; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác. Từng bước xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa sạch phục vụ nhu cầu của thị trường, tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích.

- Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ cung ứng giống, vật tư, chuyển giao kỹ thuật, thu mua và chế biến nông sản, phát triển thương mại dịch vụ nông thôn và đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh chuyên giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác khuyến nông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

#### **4. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ và quy mô hơn:**

- Duy tu, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ cùng với ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn đảm bảo thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thủy lợi, thủy nông nội đồng, quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi, các công đầu mối đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh.



- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án “Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020” trên địa bàn huyện, đảm bảo đến năm 2020, tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên đạt 99,8%.

#### **5. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn:**

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, triển khai thực hiện tốt Đề án chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế của huyện.

- Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở các địa phương về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng cường tuyên truyền để thu hút lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề đến làm việc tại các khu, cụm công nghiệp.

#### **6. Phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa:**

- Tiếp tục giữ vững thành quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục xóa mù chữ, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và phổ cập giáo dục Trung học phổ thông. Phấn đấu đến năm 2020, có 90% số trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất trường học.

- Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, duy trì các xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới; xây dựng thị trấn Cầu Kè đạt chuẩn văn minh đô thị loại IV. Tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng chất Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện, Nhà văn hóa, khu thể thao xã, ấp, đảm bảo có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, nhất là ở các Trạm Y tế xã. Giữ vững Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự và giữ vững các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

#### **7. Chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, tập trung chỉnh trang nông thôn theo hướng nông thôn mới nâng cao:**

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Cầu Kè “sáng - xanh - sạch - đẹp”.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các bãi rác trên địa bàn, phát huy tối đa lò đốt rác tập trung; trang bị đầy đủ phương tiện thu gom, xử lý rác thải, chất thải phù hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

#### **8. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp:**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền trong công tác xây dựng nông thôn mới, phát huy tốt vai trò của Mặt trận, đoàn thể trong công tác



vận động tuyên truyền Nhân dân tham gia thực hiện công tác nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Phần đầu cuối năm 2020 có 50% xã đạt xã nông thôn mới nâng cao, huyện trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu sau năm 2020.

- Củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; củng cố kiện toàn Văn phòng Điều phối cấp huyện; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới cho cấp xã theo quy định của Trung ương và của Tỉnh.

#### **9. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội địa bàn nông thôn:**

- Củng cố và nâng cao chất lượng Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đảm bảo địa bàn các xã giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra tụ tập, khiếu kiện đông người; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; xây dựng lực lượng Công an và Dân quân tự vệ vững mạnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì các chế độ trực, lực lượng trực ở các đơn vị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trình sát với việc tổ chức lực lượng dân quân nhằm nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2019 và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới sau năm 2019 của huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh./.

#### **Nơi nhận:**

- TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối TW;
- Ban Chỉ đạo Tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND Huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT (NTM).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng Khải**